

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: VĂN HÓA DU LỊCH

Sinh viên : Hoàng Văn Tường
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Đào Thị Thanh Mai

HẢI PHÒNG - 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH VĂN HÓA TÂM LINH
TẠI MỘT SỐ NHÀ THỜ CÔNG GIÁO HUYỆN XUÂN
TRƯỜNG, NAM ĐỊNH

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: VĂN HÓA DU LỊCH

Sinh viên : Hoàng Văn Tường
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Đào Thị Thanh Mai

HẢI PHÒNG - 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Hoàng Văn Tường

Mã SV: 1412601113

Lớp: VH1801

Ngành: Văn hóa du lịch

Tên đề tài: Tiềm năng phát triển du lịch văn hóa tâm linh tại một số
nhà thờ Công giáo huyện Xuân Trường, Nam Định

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- ✓ Cơ sở lý luận về du lịch văn hóa tâm linh
- ✓ Tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch văn hóa tâm linh tại một số nhà thờ Công giáo huyện Xuân Trường, Nam Định
- ✓ Định hướng và giải pháp phát triển du lịch văn hóa tâm linh tại một số nhà thờ Công giáo huyện Xuân Trường, Nam Định

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- ✓ Kiến trúc, cảnh quan nhà thờ

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Ở một số nhà thờ Công giáo huyện Xuân Trường, Nam Định

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn:

Họ và tên: Đào Thị Thanh Mai

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học quản lý và công nghệ Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Tiềm năng phát triển du lịch văn hóa tâm linh tại một số nhà thờ Công giáo huyện Xuân Trường, Nam Định

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 20 tháng 3 năm 2019

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 12 tháng 6 năm 2019

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Hoàng Văn Tường

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

ThS. Đào Thị Thanh Mai

Hải Phòng, ngày 12 tháng 6 năm 2019

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: Đào Thị Thanh Mai

Đơn vị công tác: Trường Đại học quản lý và công nghệ Hải Phòng

Họ và tên sinh viên: Hoàng Văn Tường Chuyên ngành: Văn hóa du lịch

Nội dung hướng dẫn: Tiềm năng phát triển du lịch văn hóa tâm linh tại một số nhà thờ Công giáo huyện Xuân Trường, Nam Định

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu nội dung nghiên cứu
- Có ý thức, chịu khó học hỏi
- Hoàn thành đúng thời hạn

2. Đánh giá chất lượng của đề án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

- Đề tài đáp ứng đúng yêu cầu đề ra về lý luận và thực tiễn, đạt chất lượng của khóa luận tốt nghiệp đại học ngành Việt Nam học (Văn hóa du lịch)

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ Không được bảo vệ Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày 12 tháng 6 năm 2019

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

ThS. Đào Thị Thanh Mai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN CHĂM PHẢN BIỆN

Họ và tên giảng viên: Vũ Thị Thanh Hương
Đơn vị công tác: Trường Đại học quản lý và công nghệ Hải Phòng
Họ và tên sinh viên: Hoàng Văn Tường Chuyên ngành: Văn hóa du lịch
Đề tài tốt nghiệp: Tiềm năng phát triển du lịch văn hóa tâm linh tại một số nhà thờ Công giáo huyện Xuân Trường, Nam Định

1. Phần nhận xét của giáo viên chăm phản biện

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Những mặt còn hạn chế

.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Ý kiến của giảng viên chăm phản biện

Được bảo vệ Không được bảo vệ Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày 12 tháng 6 năm 2019
Giảng viên chăm phản biện
(Ký và ghi rõ họ tên)

ThS. Vũ Thị Thanh Hương

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ DU LỊCH VĂN HÓA TÂM LINH	5
1.1. Những vấn đề lý luận về văn hóa tâm linh	5
1.1.1. Khái niệm văn hóa	5
1.1.2. Khái niệm tâm linh.....	6
1.1.2.1. Bản chất của tâm linh	7
1.1.2.2. Phân biệt tâm linh với tín ngưỡng, tôn giáo	8
1.1.2.3. Phân biệt tâm linh với mê tín dị đoan.....	9
1.1.3. Văn hóa tâm linh	10
1.1.4. Một số biểu hiện của văn hóa tâm linh.....	11
1.1.4.1. Tâm linh trong đời sống cá nhân.....	11
1.1.4.2. Tâm linh trong đời sống gia đình.....	11
1.1.4.3. Tâm linh trong đời sống cộng đồng làng xã	12
1.1.4.4. Tâm linh với tổ quốc giang sơn	12
1.1.4.5. Tâm linh trong nghệ thuật.....	12
1.1.4.6. Về thế giới tâm linh	13
1.2. Những vấn đề lý luận về du lịch văn hóa tâm linh	14
1.2.1. Du lịch văn hóa	14
1.2.1.1. Khái niệm.....	14
1.2.2. Du lịch văn hóa tâm linh.....	14
1.2.2.1. Khái niệm	14
1.2.3. Điểm đến của du lịch văn hóa tâm linh	16
1.2.4. Cơ sở vật chất, kỹ thuật của du lịch văn hóa tâm linh	16
1.2.5. Sản phẩm của du lịch văn hóa tâm linh.....	17
1.2.6. Khách du lịch với mục đích văn hóa tâm linh	17
1.2.7. Bảo tồn di sản văn hóa trong du lịch văn hóa tâm linh.....	18
Tiểu kết chương 1	21
CHƯƠNG 2 TIỀM NĂNG VÀ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH VĂN HÓA TÂM LINH TẠI MỘT SỐ NHÀ THỜ CÔNG GIÁO HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, NAM ĐỊNH	22
2.1. Khái quát về huyện Xuân Trường, Nam Định	22
2.2. Các nhà thờ Công giáo tiêu biểu trong huyện Xuân Trường	26
2.2.1 Khái quát về Giáo phận Bùi Chu	26
2.2.2. Tên gọi và chức năng.....	32

2.2.3. Giá trị độc đáo của Lễ hội Công giáo.....	32
2.2.4. Nhà thờ chính tòa Bùi Chu	34
2.2.5. Vương cung thánh đường Phú Nhai.....	40
2.2.6. Đền thánh Kiên Lao.....	41
2.3. Thực trạng hoạt động du lịch một số nhà thờ Công giáo tại huyện Xuân Trường Nam Định	43
2.3.1. Cơ sở hạ tầng.....	43
2.3.2. Cơ sở vật chất kỹ thuật	44
2.3.3. Công tác quản lý du lịch	46
2.3.4. Khai thác các giá trị của một số nhà thờ huyện Xuân Trường.....	46
2.3.5. Nguồn khách	47
2.3.6. Thời gian lưu trú của khách	47
2.3.7. Doanh thu du lịch	47
2.3.8. Nguồn nhân lực	48
2.3.9. Thực trạng xuống cấp và tái thiết một số nhà thờ Công giáo huyện Xuân Trường	48
Tiểu kết chương 2	50
CHƯƠNG 3 ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH VĂN HÓA TÂM LINH TẠI MỘT SỐ NHÀ THỜ CÔNG GIÁO HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, NAM ĐỊNH.....	51
3.1. Định hướng	51
3.2. Một số giải pháp phát triển du lịch văn hóa tâm linh một số nhà thờ Công giáo huyện Xuân Trường, Nam Định	52
3.2.1. Tăng cường đầu tư xây dựng, nâng cấp	52
3.2.2. Về quy hoạch.....	52
3.2.3. Hệ thống cơ sở hạ tầng	53
3.2.4. Giữ gìn, bảo tồn các nhà thờ	53
3.2.5. Dịch vụ du lịch	54
3.2.6. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý - tổ chức	54
3.2.7. Đào tạo và củng cố nguồn nhân lực	55
3.2.8. Hoạt động quảng bá, tiếp thị du lịch	56
3.2.9. Xây dựng các chương trình du lịch hấp dẫn.....	57
Tiểu kết chương 3	58
KẾT LUẬN.....	59
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	61

DANH MỤC VIẾT TẮT

AHLĐ	Anh hùng Lao động
UNWTO	Tổ chức Du lịch thế giới (World Tourism Organization)
UNESCO	tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (United Nations Educational Scientific and Cultural Organization)
UBND	Ủy ban nhân dân
LLVTND	Lực lượng vũ trang nhân dân
LLVT	Lực lượng vũ trang

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Với một xã hội phát triển công nghệ hiện đại như ngày nay, xã hội bốn
chấm không(4 .0)đời sống con người ngày càng được nâng cao.Du lịch trở thành
một nhu cầu thiết yếu không thể thiếu trong đời sống văn hóa - xã hội của con
người. Ở trên thế giới hoạt động du lịch đang phát triển mạnh mẽ, trở thành một
ngành kinh tế mũi nhọn. Trong vài năm trở lại đây, thị trường châu Á đã và đang
trở thành một thị trường du lịch hấp dẫn du khách quốc tế. Và trong đó có Việt
Nam là đất nước có vị trí địa lý thuận lợi, thiên nhiên tươi đẹp, nền văn hóa lâu
đời, đa dạng và đậm sắc Á đông, cùng với việc thực hiện đường lối mở cửa.

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của du lịch nói chung thì du lịch văn hóa,
mà điểm đến là các di sản văn hóa, các di tích lịch sử là một xu hướng toàn cầu.

Cùng với sự thay đổi nhận thức về thời giới quan và sự phát triển của tôn
giáo và các loại hình thức du lịch văn hóa tâm linh và du lịch hành hương ngày
càng phát triển. Ở Việt Nam văn hóa dân tộc gắn liền với nền văn minh lúa nước
trải qua hàng ngàn năm lịch sử, vì thế tâm linh của người Việt trong tôn giáo, tín
ngưỡng mang những nét đặc trưng ghi dấu ấn riêng của dân tộc. Tuy có rất
nhiều điều kiện để phát triển loại hình du lịch văn hóa tâm linh nhưng chưa được
các cấp chính quyền, các cơ qua cơ quan, các ngành và đơn vị tổ chức du lịch
quan tâm khai thác triệt để.

Nam định có đông bào Công giáo(giáo phận Bùi Chu).Theo thống kê năm
2017, dân số trên địa bàn của Giáo phận Bùi Chu khoảng 1.274.467 người,
người Công giáo là 412.539, chiếm khoảng 32,37% tổng số dân.Giáo phận Bùi
Chu được chia thành 13 giáo hạt với tổng số 159 giáo xứ, 17 chuẩn xứ, 425 giáo
họ. Biến cố 1954 làm cho dân số Công giáo ở Giáo phận Bùi Chu giảm đi hơn
một nửa, các linh mục di cư hầu hết, các dòng tu chỉ còn 5 dòng nữ và một tu
hội đời mới xuất hiện sau này.

Giáo phận Bùi Chu là nơi có tỷ lệ Công giáo khá cao, có những làng hầu
hết toàn là người Công Giáo. Nhìn chung,các nhà thờ trong huyện Xuân Trường

như: Nhà thờ Chính tòa Bùi Chu, vương cung thánh đường Phú Nhai, giáo xứ Trung Linh, đền thánh Kiên Lao, giáo xứ Thánh Danh ... có truyền thống sống đạo sốt sắng, noi gương tổ tiên, nhất là noi gương các anh hùng tử đạo. Tuy nhiên, trải qua thời gian khó khăn lâu dài, nên việc sống đạo có bị ảnh hưởng: Sống đạo nhiều khi nặng về hình thức, nền tảng giáo lý chưa thực sự vững chắc. Đời sống hưởng thụ, hiện tượng bỏ quê đi tìm việc làm ở các thành phố lớn cũng ảnh hưởng ít nhiều tới đời sống đạo của giáo dân.

Tuy nhiên hiện nay du lịch tâm linh công giáo Nam Định nói chung và huyện Xuân Trường nói riêng vẫn chưa có những bước tiến phát triển tương xứng với tiềm năng vốn có hoạt động du lịch đang diễn ra tự phát, thiếu định hướng. Hoạt động du lịch tại đây chưa phong phú, số người làm du lịch chưa nhiều, hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ còn kém, rời rạc, đặc biệt thiếu dịch vụ bổ sung như ăn uống và khu vui chơi giải trí. Chính vì vậy mà các nhà thờ Công giáo tại huyện không thể giữ chân khách lưu lại quá một ngày. Điều đó hạn chế nguồn doanh thu và làm giảm vai trò của các nhà thờ với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Chính vì vậy mà tôi xin chọn đề tài: **“Tiềm năng phát triển du lịch văn hóa tâm linh tại một số nhà thờ Công giáo huyện Xuân Trường, Nam Định”**. Sẽ góp phần khơi dậy tiềm năng du lịch văn hóa tâm linh tại một số nhà thờ Công giáo của huyện phát triển thu hút khác trong nước và quốc tế thúc đẩy hoạt động du lịch văn hóa tâm linh của huyện.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

- Mục đích : Góp phần phát triển du lịch văn hóa tâm linh của một số nhà thờ Công giáo huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, cũng như góp phần vào việc bảo tồn di sản văn hóa tâm linh của tỉnh Nam Định nói chung cũng như huyện Xuân Trường nói riêng.

-Nhiệm vụ: Để đạt được các mục đích nghiên cứu trên, khóa luận phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Tổng quan về điều kiện tự nhiên, lịch sử, con người và đôi nét về văn hóa, từ đó thấy được tiềm năng du lịch phong phú của tỉnh Nam Định và vị thế các nhà thờ công giáo trong hệ thống tài nguyên du lịch tâm linh của tỉnh.

+ Khái quát quá trình hình thành và phát triển của một số nhà thờ công giáo chính trong huyện Nam Định.

+ Nghiên cứu đánh giá thực trạng khai thác sản phẩm du lịch văn hóa tâm linh của huyện, du lịch văn hóa tâm linh của huyện đã phát triển tương xứng với tiềm năng chưa, nguyên nhân của hiện trạng trên.

Nêu ra một số giải pháp nhằm góp phần phát triển du lịch văn hóa tâm linh và bảo tồn các nhà thờ Công giáo trong huyện Xuân Trường.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của khóa luận:

- Nguồn lực phát triển du lịch văn hóa tâm linh huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

- Hiện trạng phát triển văn hóa tâm linh cụ thể: Cơ sở vật chất, nhân lực du lịch, sản phẩm du lịch, thị trường khách, công tác tổ chức, quản lý, hoạt động xúc tiến, quảng bá

Đối tượng nghiên cứu:

Nghiên cứu hoạt động du lịch văn hóa tâm linh tại số nhà thờ Công giáo huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

Phạm vi không gian: Nghiên cứu được tiến hành một số nhà thờ Công giáo chính trên địa bàn huyện Xuân Trường: như nhà thờ chính tòa Bùi Chu, Vương cung thánh đường Phú Nhai, đền thánh Kiên Lao.

Phạm vi thời gian: Số liệu, tài liệu được thu thập từ 2000 đến nay.

4. Phương pháp nghiên cứu

+ Phương pháp khảo sát, điều tra thực địa: Đây là phương pháp quan trọng. Đi tìm hiểu thực địa sẽ đem lại tính xác thực, tìm hiểu những khía cạnh khác nhau của thực tế phát triển du lịch để từ đó thấy được tiềm năng của đề tài và đưa ra các giải pháp đẩy mạnh để phát triển du lịch văn hóa tâm linh.

+ Phương pháp thu thập xử lý tài liệu: Đây là phương pháp chủ yếu được sử dụng trong quá trình nghiên cứu khóa luận. Trên cơ sở những tài liệu như sách báo, tạp chí, mạng Internet..... Sau đó tiến hành xử lý chọn lọc các tài liệu vào bài viết một cách hợp lý.

+ Phương pháp tổng hợp so sánh, thống kê: Phương pháp này có tác dụng hệ thống hóa giá trị của các nhà thờ, cung cấp một cái nhìn tổng quan về các nhà thờ trong huyện cũng như toàn tỉnh.

5. Bố cục của khóa luận

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, danh mục viết tắt, phụ lục, phần nghiên cứu của khóa luận chia ra làm 3 chương:

Chương 1: **Cơ sở lý luận về du lịch văn hóa tâm linh**

Chương 2: **Tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch văn hóa tâm linh tại một số nhà thờ công giáo huyện Xuân Trường, Nam Định**

Chương 3: **Định hướng và giải pháp phát triển du lịch văn hóa tâm linh tại một số nhà thờ công giáo huyện Xuân Trường, Nam Định**

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ DU LỊCH VĂN HÓA TÂM LINH

1.1. Những vấn đề lý luận về văn hóa tâm linh

Văn hóa tâm linh là một khái niệm hợp bởi 2 yếu tố văn hóa và tâm linh. Chính vì vậy, trước khi nghiên cứu về văn hóa tâm linh thì cần phải tìm hiểu được 2 khái niệm văn hóa và tâm linh

1.1.1. Khái niệm văn hóa

Ở phương Đông, danh từ văn hóa đầu tiên xuất hiện trong thư tịch Trung Quốc. Sách Thuyết Uyển, thiên Chi Vũ, Lưu Hưởng (khoảng năm 77 đến năm 6 trước Công Nguyên) đời Tây Hán đã đề xuất đến văn hóa: Phàm vũ chi hưng, vị bất phục dã, văn hóa bất cải, nhiên hậu gia tru. (Phàm dùng vũ lực là để đối phó với kẻ không phục tùng; dùng văn hóa mà không thay đổi được thì sau mới giết (trừng phạt). Văn hóa ở đây là để chỉ văn trị và giáo hóa của nhà nước. Từ đời Hán, Đông Trạng Thư “bãi truất bách gia, độc tôn Nho thuật” trải qua các vương triều phong kiến đều đề xướng văn trị giáo hóa, để hưng nước yên dân. Đó có lẽ là nguyên nhân quan trọng để xã hội phong kiến Trung Quốc tồn tại lâu dài, văn hóa Trung Quốc phồn vinh, hưng thịnh đã đồng hóa rất nhiều dân tộc khác và đặc biệt là có ảnh hưởng không nhỏ đến văn hóa của một số nước phương Đông. [26, tr. 9] Ở nước ta, từ xa xưa đã phổ biến khái niệm “văn hiến”. Từ đời Lý (1010) người Việt đã tự hào mình là một “văn hiến chi bang”. Đến đời Lê (thế kỷ XV), trong tác phẩm Bình Ngô đại cáo, Nguyễn Trãi đã viết “Duy ngã Đại Việt chi quốc, thực vi văn hiến chi bang” (Duy nước Đại Việt ta thực sự là một nước văn hiến). Từ văn hiến mà Nguyễn Trãi dùng ý chỉ một nền văn hóa cao trong đó nếp sống tinh thần, đạo đức được chú trọng. Ngày nay, danh từ văn hóa có nhiều cách giải thích khác nhau. Mỗi học giả ở mỗi quốc gia ở mỗi thời kỳ khác nhau đều có những lý giải không hoàn toàn giống nhau. Nhưng mọi người đều thừa nhận văn hóa là một hiện tượng xã hội và có phạm trù lịch sử. Trong ghi chép của mình, Hồ Chí Minh đã dẫn một định nghĩa về văn hóa như sau: "Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người

mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hoá. Văn hoá là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng với những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn". [21, tr. 431] Theo E.B.Tylor (1871) thì văn hoá được hiểu như là: “một sự văn minh mà trong đó chứa đựng cả tri thức, luật lệ, nghệ thuật, nhân bản, niềm tin và tất cả những khả năng và thói quen mà con người đạt được với tư cách là thành viên trong xã hội”. [38, tr. 3] Mới đây nhân dịp phát động thập kỷ thế giới phát triển văn hóa (1988-1997), tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hiệp quốc UNESCO đã đưa ra định nghĩa mới về văn hóa: “Văn hóa là tổng thể các hệ thống giá trị, bao gồm các mặt tình cảm, trí thức, vật chất, tinh thần của xã hội. Nó không thuần túy bó hẹp trong sáng tác nghệ thuật mà bao gồm cả phương thức sống, những quyền con người cơ bản, truyền thống, tín ngưỡng”. Như vậy, văn hóa được hiểu là hệ thống những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra và được lưu truyền từ đời này sang đời khác. Bản chất của văn hóa chính là sự khác biệt. Các đặc trưng cơ bản của văn hóa là: tính hệ thống, tính giá trị, tính lịch sử và tính nhân sinh.

1.1.2. Khái niệm tâm linh

Trong Từ điển Tiếng Việt, tâm linh được giải thích theo 2 nghĩa: “1 – Khả năng biết trước một biến cố nào đó sẽ xảy ra đối với mình, theo quan niệm duy tâm. 2 – Tâm hồn, tinh thần, thế giới tâm linh”. Nhà tâm lý học người Đức, Sigmund Freud cho rằng con người là một thực thể đa chiều. Trong đó có 3 mặt bản chất cơ bản: Bản chất sinh học, bản chất xã hội và bản chất tâm linh. Ba bản chất này được tạo thành chiều sâu, chiều rộng và chiều cao của con người. Trong sách Văn hóa gia đình Việt Nam và sự phát triển viết: “Trong đời sống con người, ngoài mặt hiện hữu còn có mặt tâm linh. Về mặt cá nhân đã như vậy, về mặt cộng đồng (gia đình, làng xã, dân tộc) cũng như vậy. Nếu mặt hiện hữu của đời sống con người có thể nhận thức qua những tiêu chuẩn cụ thể sờ mó

được, thì về mặt tâm linh bao giờ cũng gắn với cái gì đó rất trừu tượng, rất mông lung nhưng lại không thể thiếu được ở con người. Con người sở dĩ trở thành con người, một phần căn bản là do nó có đời sống tâm linh. Nghĩa là tuân theo những giá trị bắt nguồn từ cái thiêng liêng, cái bí ẩn, những giá trị tạo thành đời sống tâm linh của nó.” [22, tr. 36] Trong sách “Tâm linh Việt Nam”, tác giả Nguyễn Duy Hinh quan niệm: “Tâm linh là thể nghiệm của con người (tâm) về cái Thiêng (linh) trong tự nhiên và xã hội thông qua sống trải, thuộc dạng ý thức tiền lôgic không phân biệt thiện ác.” [9, tr. 52] Một quan niệm khác của tác giả Nguyễn Đăng Duy trong cuốn “Văn hóa tâm linh” về tâm linh như sau: “Tâm linh là cái thiêng liêng cao cả trong cuộc sống đời thường, là niềm tin thiêng liêng trong cuộc sống tín ngưỡng tôn giáo”. Cái thiêng liêng cao cả, niềm tin thiêng liêng ấy được đọng lại ở những biểu tượng, hình ảnh, ý niệm. [4, tr. 14] Như vậy, từ các quan niệm trên đây, ta có thể tạm hiểu về tâm linh như sau: - Tâm linh là một hình thái ý thức của con người. - Tâm linh là những gì trừu tượng, cao cả, vượt quá cảm nhận của tư duy thông thường và gắn liền với niềm tin thiêng liêng trong cuộc sống tín ngưỡng hay tôn giáo của mỗi người. Những nhận thức của con người về thế giới xung quanh (vũ trụ, xã hội, v.v..) có thể phân thành hai loại: Một loại có thể kiểm nghiệm, chứng minh bằng thực nghiệm, bằng lý trí, bằng lô gích, đó là loại gọi là thuộc lĩnh vực khoa học. Loại thứ hai chỉ có thể nhận thức được bằng trực giác của từng người chứ không thể chứng minh bằng thực nghiệm hoặc bằng lý trí, đó là lĩnh vực tâm linh. - Tâm linh là ngưỡng vọng của con người về những biểu tượng, hình ảnh thiêng liêng.

1.1.2.1. Bản chất của tâm linh

Thứ nhất, tâm linh là một hình thái ý thức của con người, tâm linh gắn liền với ý thức con người và chỉ có ở con người. Trong cuộc sống của các loài vật không có sự tồn tại của tâm linh. Thứ hai, nói đến tâm linh là nói đến những gì trừu tượng, cao cả, vượt quá cảm nhận của tư duy thông thường. Trong cuộc sống có những sự vượt quá khả năng cảm nhận của tư duy thông thường, những điều khác thường mà không gì giải thích nổi với nhận thức của trí não. Song,

chúng ta cũng không nên “thần bí hóa” khái niệm tâm linh, gán cho nó những đặc tính cao siêu phi thường. Tâm linh huyền bí một phần được thấu dệt nên từ những sự vật hiện tượng đó. Thứ ba, tâm linh gắn liền với niềm tin thiêng liêng trong cuộc sống. Niềm tin là sự tín nhiệm, khâm phục ở con người với một con người, một sự việc, một học thuyết, một tôn giáo,... được thể hiện ra bằng hành động theo một lẽ sống. Niềm tin là hạt nhân quyết định trong việc xác lập các mối quan hệ xã hội. Thứ tư, tâm linh có sức truyền cảm, truyền lệnh, tập hợp ghê gớm. Do con người có là sinh vật có linh hồn, có ý thức, có trái tim biết rung động trước những giá trị thẩm mỹ, trước cái anh hùng, cái cao cả. Sự nhận biết ý thức đó tạo nên niềm tin thiêng liêng của con người, và chính niềm tin thiêng liêng đó nuôi sống “tâm linh” con người. Đó chính là sức mạnh truyền lệnh kỳ diệu của niềm tin tâm thức hay tâm linh.

1.1.2.2. Phân biệt tâm linh với tín ngưỡng, tôn giáo

Trước đây, nói đến tâm linh người ta hay nghĩ đến tín ngưỡng và tôn giáo và đồng nhất nó với tín ngưỡng và tôn giáo. Trong chuyên luận viết về các tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam, giáo sư Đặng Nghiêm Vạn nhiều lần nhắc tới chữ tâm linh tôn giáo. Và khi viết về thời kỳ phong kiến đế quốc “Tầng lớp quý tộc tiếp nhận tôn giáo như là một công cụ để trị nước, trị dân. Nhân dân lao động lại xem tôn giáo như là một cứu cánh để thỏa mãn tâm linh tôn giáo của bản thân”. [49, tr. 205] Thực ra khái niệm tâm linh vừa hẹp hơn nhưng lại vừa rộng hơn khái niệm tín ngưỡng tôn giáo. Hẹp hơn vì tín ngưỡng tôn giáo ngoài phần tâm linh còn có phần mê tín dị đoan và sự cuồng tín tôn giáo. Bởi tôn giáo vừa là một lĩnh vực của đời sống tinh thần vừa là một thiết chế xã hội, mà đã là thiết chế xã hội thì không tránh khỏi sự thế tục hóa, sự tha hóa do việc lợi dụng của giai cấp thống trị. Rộng hơn vì tâm linh gắn liền với những khái niệm thiêng liêng, cái cao cả, cái siêu việt... không chỉ có ở đời sống tôn giáo, mà có cả ở đời sống tinh thần, đời sống xã hội. Không chỉ có ở Thượng đế, Chúa Trời, Thần, Phật mới linh thiêng mà cả Tổ quốc, lòng yêu thương con người, sự thật, công lý

cũng linh thiêng không kém. Có như vậy, con người mới đạt đến chiều cao của con người.

1.1.2.3. Phân biệt tâm linh với mê tín dị đoan

Mê tín dị đoan được hiểu là là “tin một cách mê muội, kỳ dị, lạ thường”, tin không lý trí và đến mức không cần cả mạng sống của mình. Khi con người ta tin rằng một hiện tượng xảy ra là hậu quả của một hiện tượng khác, trong khi thật ra không có mối liên hệ nguyên nhân hệ quả nào giữa các hiện tượng này. Trong thực tế cuộc sống, có rất nhiều khi người ta cố gắng làm hoặc tránh làm một hành động gì đó với niềm tin để một sự việc gì đó khác sẽ xảy ra hoặc không xảy ra. Lâu dần, người đó trở nên bị lệ thuộc bởi chính những lối suy nghĩ, những niềm tin mà bản thân họ gây dựng. Theo Voltare (1694 - 1778), một nhà văn, nhà triết học người Pháp: “Một người mê tín cũng như một kẻ nô lệ bị trói buộc bởi những nỗi lo sợ vô cơ do chính mình áp đặt”. Nói về nguồn gốc, mê tín dị đoan tồn tại được là bám vào trình độ văn hóa khoa học còn thấp kém, con người không đủ trình độ để phân tích, lý giải khoa học và thỏa đáng cho những hiện tượng xảy ra xung quanh. Thậm chí cho đến ngày nay, nhiều câu hỏi tương tự vẫn chưa thể được trả lời bởi khoa học và sự sợ hãi về các hiện tượng thiên nhiên và “siêu nhiên” vẫn còn tác động mãnh liệt trong tiềm thức con người. Thực tế cho thấy những người càng có nghề nghiệp nguy hiểm, càng bấp bênh, càng tùy thuộc vào thiên nhiên thì thường càng có nhiều thủ tục mê tín gắn liền vào cách thức, lề lối sinh sống hàng ngày của họ. Dần dần mê tín dị đoan trở thành những thói quen phiền toái, tốn kém, tuy vậy người ta vẫn sẵn sàng đánh đổi để có thể cảm thấy “an toàn” hơn, hay “có thờ có thiêng, có kiêng có lành”. Với nhiều hình thái khác nhau, mê tín dị đoan đang hàng ngày ràng buộc chi phối ý nghĩ và hành động của con người, đó là nguyên nhân dẫn đến sự lãng phí, phiền toái, tốn kém, đi ngược lại với tiến trình của xã hội. Còn tâm linh là niềm tin thiêng liêng có ở trong nhiều mặt của đời sống tinh thần. Ví dụ như những người tin vào Phật vào Chúa, đi tu, theo đạo suốt cuộc đời tâm niệm vào Phật, vào Chúa có thể giải thoát về cái chết cho mình. Hoặc những người không

theo tôn giáo nào, nhưng vẫn tin vào Thần Phật thiêng liêng, tự đến đình chùa thắp hương khấn lễ, cầu mong sự phù hộ bình yên, mạnh khỏe, gặp nhiều may mắn. Còn xuất phát từ một số người muốn kiếm lợi bằng dựa vào Thần Phật, thương mại hóa niềm tin, đặt ra phán bảo nhiều điều kỳ dị khác thường, cúng lễ cho người khác, khiến cho người khác tin theo mê muội, hành động theo sự tin ấy, gây tổn kém sức khỏe, tiền bạc vô ích, thậm chí nguy hại đến tính mệnh...đó chính là mê tín dị đoan. Nhoị vậy, cả mê tín dị đoan và tâm linh tồn tại được đều dựa trên cơ sở niềm tin của con người nhưng với tâm linh thì đó là niềm tin thiêng liêng có ở trong nhiều mặt của đời sống tinh thần. Còn với mê tín dị đoan thì đó là niềm tin mù quáng. Ranh giới giữa tâm linh và mê tín dị đoan là rất mong manh.

1.1.3.Văn hóa tâm linh

“Văn hóa tâm linh là một mặt hoạt động văn hóa xã hội của con người, được biểu hiện ra những khía cạnh vật chất hoặc tinh thần, mang những giá trị thiêng liêng trong cuộc sống đời thường và biểu hiện niềm tin thiêng liêng trong cuộc sống tín ngưỡng tôn giáo, thể hiện nhận thức, thái độ (e dè, sợ hãi hay huyền diệu) của con người”. [4, tr. 27] Trong cuộc sống đời thường không ai là không có một niềm tin linh thiêng nào đó. Đó là những ý niệm thiêng liêng về chùa, đền, đình, phủ...về tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, về sự cầu cúng, là niềm tin thiêng liêng về cuộc sống con người. Niềm tin thiêng liêng trong tín ngưỡng tôn giáo được biểu hiện:Thứ nhất là niềm tin của những người không theo đạo Phật nhưng vẫn đến chùa lễ Phật, cầu bình yên, mạnh khỏe... hay là niềm tin của những người không theo Gia tô giáo nhưng ngày lễ Nôen vẫn đến nhà thờ xem lễ, theo các tôn giáo, niềm tin của các tín đồ tôn giáo... Thứ hai là niềm tin của các tín đồ tôn giáo, họ suốt ngày, suốt đời mang theo niềm tin thiêng liêng về Chúa, về Phật. Họ tôn thờ tất cả những gì thuộc về tôn giáo mà họ đi theo: người sáng lập, giáo lý, hệ thống thờ tự, nơi cử hành các nghi lễ... Văn hóa tâm linh bao gồm cả văn hóa hữu hình, văn hóa vô hình và văn hóa hành động: Văn hóa hữu hình là những giá trị văn hóa vật chất, đó là những kiến trúc nghệ thuật,

những không gian thiêng liêng (đền đài, nhà thờ, đình chùa...), hay những biểu tượng thiêng liêng (những pho tượng Phật...). Văn hóa vô hình là những giá trị được biểu hiện thông qua những nghi lễ, lễ thức, ý niệm thiêng liêng của con người về tôn giáo, tín ngưỡng. Văn hóa hành động là sự thể hiện hữu hình hóa những ý niệm vô hình, đó là những chuyến hành hương, những lần đi đến đền lễ thần, đến chùa lễ Phật để cầu bình an trong cuộc sống.

1.1.4. Một số biểu hiện của văn hóa tâm linh

1.1.4.1. Tâm linh trong đời sống cá nhân

Đời sống tâm linh không phải ở đâu xa lạ mà ở ngay trong niềm tin thiêng liêng của mỗi con người. Tuy nhiên đời sống tâm linh không phải lúc nào cũng bộc lộ, mà đời sống tâm linh của con người chỉ xuất hiện khi hoàn cảnh thiêng, thời gian thiêng xuất hiện. Ví như khi mùa xuân đến là thời gian thiêng cho những người đi lễ chùa Hương, đời sống tâm linh trong họ được tái hiện. Khi đến quê Bác hay vào lăng viếng Bác, hoàn cảnh ấy dấy lên trong ta mãnh liệt hơn niềm tin thiêng liêng nhớ ơn Người. Thời khắc chuyển giao một năm của đất trời cũng dễ khiến con người nảy sinh những cảm xúc huyền diệu. Kiêu bào xa xứ trước hình ảnh lá cờ đỏ sao vàng cũng nảy sinh những ý niệm về Tổ quốc thiêng liêng...

1.1.4.2. Tâm linh trong đời sống gia đình

Văn hóa tâm linh có những biểu hiện vô cùng phong phú, đa dạng trong đời sống gia đình của người Việt. Phổ biến nhất là phong tục thờ cúng tổ tiên, ông bà, cha mẹ, người thân trong gia đình. Trong đó, bàn thờ tổ tiên chính là biểu tượng thiêng liêng nhất, lôi cuốn người ta quây quần, đoàn tụ, nhớ về cội nguồn, duy trì những giá trị thiêng liêng chuyển giao cho con cháu. Ngày xưa nhân dân ta có câu “sống về mồ mả, ai sống về cả bát cơm” có nghĩa là cái cần cho sự tồn tại của con người trong gia đình không phải chỉ có bát cơm mà còn phải có cả phần thiêng liêng nữa, đó là mồ mả, bát hương thờ cúng ông bà, tổ tiên. Đó chính là những biểu tượng thiêng liêng có sức mạnh truyền lệnh, tập hợp to lớn trong mỗi gia đình, gia tộc xưa nay.

1.1.4.3. Tâm linh trong đời sống cộng đồng làng xã

Ở phạm vi cộng đồng làng xã, văn hóa tâm linh người Việt thể hiện ở tục thờ cúng thành hoàng, các vị thần, các vị tổ sư, các vị anh hùng đã có công với nước, các danh nhân văn hóa... Do ảnh hưởng của các tôn giáo, người Việt tổ chức xây đền chùa, miếu mạo, nhà thờ, giáo đường... và thực hành các nghi lễ cầu cúng. Nhiều công trình hiện vật liên quan đến văn hóa tâm linh đã trở thành những di sản văn hóa, lịch sử quý giá và trở thành những điểm du lịch hấp dẫn. Nhiều lễ hội mang đậm bản sắc văn hóa vùng miền, dân tộc.

1.1.4.4. Tâm linh với tổ quốc giang sơn

Trước đây, trong quan niệm phong kiến, biểu tượng về sự thống nhất đất nước được thể hiện thông qua việc đúc cửu đỉnh, trên đó trạm khắc đầy đủ hình sông núi của 3 miền đất nước, đặt thờ ở thái miếu nhà Nguyễn trong kinh thành Huế. Trong cuộc kháng chiến đánh Mỹ, ta thường nói dân tộc Việt Nam đã chiến thắng bằng cả sức mạnh bốn ngàn năm lịch sử, sức mạnh truyền thống. Ngày nay, trong mỗi cuộc lễ nghi, hội nghị ta kiến lập bàn thờ Tổ quốc. Đó chẳng phải là cái vô hình trừu tượng mà chính là hình ảnh thiêng liêng về giang sơn tổ quốc... Những năm gần đây giỗ tổ Hùng Vương đã trở thành ngày hội lớn trong cả nước. Thật hiếm có dân tộc nào trên thế giới có một ý niệm rõ rệt về Quốc tổ như Việt Nam. Đó là một truyền thống tốt đẹp rất đáng tự hào, là dịp nhắc nhở mỗi người Việt Nam về lòng tự hào và trách nhiệm đối với quốc gia dân tộc. Vấn đề đặt ra là làm sao đừng để kinh tế thị trường vô tình “gặm nhấm”, dần làm mất đi những hình ảnh, biểu tượng thiêng liêng đó trong ý thức con người hôm nay và các thế hệ tiếp theo.

1.1.4.5. Tâm linh trong nghệ thuật

Tâm linh trong nghệ thuật là những hình ảnh biểu tượng thiêng liêng nào đó được thể hiện trong tác phẩm làm khơi dậy những cảm xúc cao quý của con người. Muốn được như vậy nhà sáng tạo nghệ thuật phải thực sự có đời sống tâm linh, cảm thụ đối tượng muốn sáng tạo ra trong tác phẩm đến độ thiêng liêng nhất. Có rất nhiều tác phẩm nghệ thuật mà ở đó con người cảm nhận được

những giá trị thiêng liêng mà tác giả muốn truyền tải như những bức tranh về phố cổ Hà Nội của họa sĩ Bùi Xuân Phái hay như tác phẩm truyện Kiều của Nguyễn Du, Hịch Tướng sĩ của Trần Quốc Tuấn, chèo Quan Âm Thị Kính... Hay như chính sự thăng hoa trong niềm tin thiêng liêng về Chúa, về thần Phật đã để lại biết bao giá trị kiến trúc nghệ thuật: nhà thờ Phát Diệm – Ninh Bình, nhà thờ Phú Nhai – Nam Định, gác chuông chùa Keo ở Thái Bình, các pho tượng Phật tử ở chùa Tây Phương – Hà Nội...

1.1.4.6. Về thế giới tâm linh

Chưa ai có thể chứng minh, cũng chưa ai có thể bác bỏ, thế giới tâm linh vẫn là một câu hỏi lớn đối với nhân loại. Nhưng với những ai tin vào sự tồn tại của thế giới khác thì thế giới tâm linh được hình dung như là nơi con người sẽ đến sau cái chết. Thế giới tâm linh không biết có thật hay không, nhưng nó hiện hữu trong tâm hồn mỗi người. Nó là niềm tin thiêng liêng của con người vào nơi mà người ta sẽ về sau cuộc đời “sống gửi” nơi trần thế. Hầu hết mọi người trên thế giới đều hình dung thế giới tâm linh dưới dạng thiên đường và địa ngục. Đây không phải là sự trùng hợp ngẫu nhiên vì thế giới tâm linh thực chất là âm bản của cuộc sống thực tại, phản ánh cuộc sống thực tại của con người nhưng không hỗn độn xen lẫn tốt xấu, thật giả mà chia ra làm hai thái cực với ranh giới rõ ràng. Sự đối kháng thiên đường – địa ngục thể hiện chế độ thưởng phạt công minh, thể hiện khát khao công lí và sự công bằng tuyệt đối. Thế giới tâm linh của người Việt được xây dựng theo mô hình “đương sao, âm vậy – trần sao, âm vậy”. Vì vậy, nên coi đây là quan niệm xuất phát để tìm hiểu về mô hình thế giới tâm linh của người Việt. Vì quan niệm “trần sao, âm vậy” nên mới có những tục lệ như đốt tiền vàng cho thế giới bên kia. Nhạy vậy, văn hóa tâm linh có những mặt tích cực không thể phủ nhận trong đời sống cộng đồng. Đó là sợi dây có kết cộng đồng, lưu giữ truyền thống, giáo dục lòng nhân ái, vị tha, ý thức hướng thiện. Các tôn giáo khác nhau về giáo lý song đều gặp nhau ở tinh thần bác ái, khoan dung, triết lý nhân bản. Văn hóa tâm linh là chỗ dựa về mặt tinh thần, xoa dịu những đau thương mất mát, đem lại niềm tin vào những điều tốt đẹp, cao cả,

thiêng liêng, giúp con người chiến thắng nỗi sợ hãi trước cái chết, đem lại sự thanh thản, cân bằng cho tâm hồn. Chính yếu tố văn hóa tâm linh đã tạo nên chiều sâu, sức sống cho nền văn hóa cộng đồng, dân tộc

1.2. Những vấn đề lý luận về du lịch văn hóa tâm linh

1.2.1. Du lịch văn hóa

1.2.1.1. Khái niệm

Du lịch văn hóa là một loại hình du lịch kết hợp giữa văn hóa và du lịch. Theo từ điển Tiếng Việt “du lịch văn hóa” nghĩa là “đi chơi để trải nghiệm cái đẹp”. Theo Tổ chức Du lịch Thế giới (UNWTO): “Du lịch văn hóa bao gồm hoạt động của những người với động cơ chủ yếu là nghiên cứu, khám phá về văn hóa như các chương trình nghiên cứu, tìm hiểu về nghệ thuật biểu diễn, về các lễ hội và các sự kiện văn hóa khác nhau, thăm các di tích và đền đài, du lịch nghiên cứu thiên nhiên, văn hóa hoặc nghệ thuật dân gian và hành hương”. Theo Luật Du lịch Việt Nam (chương 1, điều 4) thì: “Du lịch văn hóa là hình thức du lịch dựa vào bản sắc văn hóa dân tộc với sự tham gia của cộng đồng nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống”. Theo TS. Trần Thúy Anh: “Du lịch văn hóa là một loại hình chủ yếu hướng vào việc quy hoạch, lập trình, thiết kế các tour lữ hành tham quan các công trình văn hóa cổ kim”. [1, tr. 22] Như vậy, có thể hiểu du lịch văn hóa là một loại hình du lịch dựa vào việc khai thác các tài nguyên văn của một vùng, một quốc gia nhằm thỏa mãn những nhu cầu nhận thức thẩm mỹ của con người khi đi du lịch. Dựa trên cơ sở tài nguyên du lịch văn hóa, các loại hình du lịch văn hóa được chia thành: du lịch lễ hội; du lịch tôn giáo; du lịch tham quan di tích, danh thắng; du lịch khai thác các loại hình nghệ thuật truyền thống; du lịch làng nghề; du lịch tham quan các bảo tàng, di tích lịch sử văn hóa...

1.2.2. Du lịch văn hóa tâm linh

1.2.2.1. Khái niệm

Du lịch tâm linh không phải là một vấn đề mới mẻ mà thực chất hoạt động du lịch tâm linh đã có mặt cách đây hàng trăm năm trên khắp thế giới. Mọi

người vẫn quen dùng từ hành hương để nói về chuyến đi của mình. Trong các chuyến hành hương đó, ngoài mục đích tín ngưỡng tâm linh, người đi hành hương còn được thưởng ngoạn những cảnh đẹp kỳ thú của thiên nhiên, được tiếp cận với những phong tục tập quán của đời sống cư dân địa phương và được hưởng các tiện ích của dịch vụ. Tuy nhiên cho tới thời điểm này, vẫn chưa có một định nghĩa cụ thể nào về du lịch văn hóa tâm linh. Nhưng trong thời gian gần đây, loại hình du lịch văn hóa – tín ngưỡng gắn với các tour hành hương trong và ngoài nước, được một số doanh nghiệp tổ chức ngày càng nhiều, điều đó cho thấy nhu cầu tâm linh trong cộng đồng ngày càng đa dạng. Thượng tọa Thích Đạo Đạo trong đề tài tham luận Hoằng pháp với vấn đề du lịch tâm linh cho rằng: “Du lịch tâm linh tìm hiểu văn hóa, giá trị truyền thống. Thăm viếng bằng tâm trí, trái tim. Nuôi dưỡng và mở rộng sự hiểu biết hướng về cái thiện, hòa hợp với thiên nhiên, đồng loại, chúng sinh. Nâng cao được giá trị tâm hồn, hiểu rõ hơn về tâm linh, cụ thể đối với Phật giáo chúng ta là hiểu hơn về chân lý giải thoát, giá trị chân thực của cuộc sống hiện tại”. Cựu tổng thống Ấn Độ, tiến sĩ Abdul Kalam thì cho rằng: “Du lịch tâm linh có nghĩa là thăm viếng bằng trái tim”. Trong bài phát biểu tại Hội nghị quốc tế về du lịch tâm linh vì sự phát triển bền vững diễn ra tại Ninh Bình ngày 21 – 22/11/2013, ông Nguyễn Văn Tuấn, Tổng cục trưởng, Tổng cục Du lịch Việt Nam cho rằng: “Xét về nội dung và tính chất hoạt động, du lịch tâm linh thực chất là loại hình du lịch văn hóa lấy yếu tố văn hóa tâm linh vừa làm cơ sở vừa làm mục tiêu nhằm thỏa mãn nhu cầu tâm linh của con người trong đời sống tinh thần. Theo cách nhìn nhận đó, du lịch tâm linh khai thác những yếu tố văn hóa tâm linh trong quá trình diễn ra các hoạt động du lịch, dựa vào những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể gắn với lịch sử hình thành nhận thức của con người về thế giới, những giá trị về đức tin, tôn giáo, tín ngưỡng và những giá trị tinh thần đặc biệt khác”. Như vậy, du lịch văn hóa tâm linh là sự kết hợp giữa du lịch và tâm linh – tín ngưỡng. Đây là hai nhu cầu cần thiết trong đời sống của con người, nhằm mang lại nét đẹp cho cuộc sống đi đôi với sự thăng hoa trong tâm hồn. Du lịch văn hóa tâm linh phải lưu ý

các điểm sau: - Du lịch văn hóa tâm linh là loại hình du lịch văn hóa nhưng khai thác các đối tượng tôn giáo, tín ngưỡng tâm linh vào hoạt động du lịch nhằm thỏa mãn các nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo, tham quan, tìm hiểu và nâng cao nhận thức của du khách. - Hoạt động của du lịch văn hóa tâm linh phải dựa trên nguyên tắc tôn trọng và gìn giữ các giá trị văn hóa bao gồm cả giá trị vật chất và giá trị tinh thần, thông qua hoạt động du lịch để bảo tồn các di tích có ý nghĩa tín ngưỡng tôn giáo như: chùa, đình, đền, nhà thờ...hay các nghi lễ truyền thống, các lễ hội và giá trị văn hóa nghệ thuật, ẩm thực... Vì đó là đối tượng chính tạo nên sản phẩm du lịch văn hóa tâm linh hấp dẫn du khách.

1.2.3. Điểm đến của du lịch văn hóa tâm linh

Theo M.Buchvarov, điểm du lịch là cấp thấp nhất trong hệ thống phân vị du lịch gồm 5 cấp: điểm du lịch – hạt nhân du lịch – tiểu vùng du lịch – á vùng du lịch – vùng du lịch. Về mặt lãnh thổ, điểm du lịch có quy mô nhỏ, “là nơi tập trung một loại tài nguyên nào đó (tự nhiên, văn hóa, lịch sử hoặc kinh tế xã hội) hay một loại công trình riêng biệt phục vụ du lịch hoặc kết hợp cả hai ở quy mô nhỏ”. [47, tr.113]

Theo quan điểm Marketing: “Điểm đến du lịch là một địa điểm mà chúng ta có thể cảm nhận được bằng đường biên giới về địa lý, đường biên giới về chính trị hay đường biên giới về kinh tế, có tài nguyên du lịch hấp dẫn, có khả năng thu hút và đáp ứng nhu cầu của khách du lịch”. [20, tr.341]

Đối với loại hình du lịch văn hóa tâm linh, điểm đến du lịch là nơi tập trung một loại hình du lịch văn hóa tâm linh nào đó phục vụ du lịch. Thông thường, điểm đến này thường gắn với các di tích gắn với tôn giáo (như văn miếu, chùa, nhà thờ...), và các di tích gắn với tín ngưỡng (đình, đền, miếu, phủ...).

1.2.4. Cơ sở vật chất, kỹ thuật của du lịch văn hóa tâm linh

Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch bao gồm: cơ sở vật chất của ngành du lịch (hệ thống cơ sở ăn uống, vui chơi, giải trí...là yếu tố trực tiếp đối với việc đảm bảo điều kiện cho các dịch vụ du lịch được tạo ra và cung ứng cho du khách; cơ

sở vật chất kỹ thuật của một số ngành kinh tế quốc dân khác tham gia phục vụ du lịch (giao thông, bưu chính, điện nước...). Những yếu tố này có ý nghĩa rất quan trọng và ảnh hưởng trực tiếp đến việc khai thác tài nguyên, phục vụ khách du lịch, đồng thời góp phần quyết định độ dài thời gian lưu trú và mức chi tiêu của du khách. Đối với khách du lịch văn hóa tâm linh thì cơ sở vật chất kỹ thuật phải có những điều kiện phục vụ đặc trưng riêng, với cơ sở ăn uống thì có thể đó là các nhà hàng ăn chay, ăn kiêng..., với cơ sở lưu trú thì cần trang trí, bày trí trang thiết bị trong phòng, buồng khách sạn sao cho phù hợp với từng đối tượng khách theo tín ngưỡng, tôn giáo...tuy nhiên vẫn phải đảm bảo được 4 yêu cầu chính: mức độ tiện nghi, mức độ thẩm mỹ, mức độ vệ sinh và mức độ an toàn.

1.2.5. Sản phẩm của du lịch văn hóa tâm linh

Theo Luật du lịch Việt Nam (điều 14 chương 1): “Sản phẩm du lịch là tập hợp các dịch vụ cần thiết để thỏa mãn nhu cầu của khách du lịch trong chuyến đi du lịch”.

Theo quan điểm Marketing: “Sản phẩm du lịch là những hàng hóa và dịch vụ có thể thỏa mãn nhu cầu của khách du lịch, mà các doanh nghiệp du lịch đưa ra chào bán trên thị trường, với mục đích thu hút sự chú ý mua sắm và tiêu dùng của khách du lịch”. [20, tr. 218]

Các yếu tố của sản phẩm du lịch bao gồm: điểm thu hút khách; khả năng tiếp cận của điểm đến; các tiện nghi và dịch vụ của điểm đến; hình ảnh của điểm đến; giá cả hàng hóa, dịch vụ của điểm đến. Sản phẩm du lịch văn hóa tâm linh mang những đặc điểm của sản phẩm du lịch văn hóa: Có tính bền vững, bất biến cao; Mang nặng dấu ấn của cộng đồng dân cư bản địa, nhằm phục vụ đời sống sinh hoạt văn hóa, tinh thần của cư dân bản địa; Sản phẩm mang nặng định tính, khó xác định định lượng, giá trị của sản phẩm mang tính vô hình, thể hiện qua ấn tượng, cảm nhận.

1.2.6. Khách du lịch với mục đích văn hóa tâm linh

Ngành du lịch muốn hoạt động và phát triển thì đối tượng khách du lịch là nhân tố quyết định. Nếu không có khách du lịch thì các nhà kinh doanh du lịch

không thể kinh doanh được. Như vậy nếu nhìn trên góc độ thị trường thì khách du lịch chính là “cầu thị trường”, còn các nhà kinh doanh du lịch là “cung thị trường”.

Vậy khách du lịch là gì? Theo Luật du lịch (Chương 1, điều 4): “Khách du lịch là người đi du lịch hoặc kết hợp đi du lịch, trừ trường hợp đi học, làm việc hoặc hành nghề để thu nhập ở nơi đến”. Theo PGS.TS. Trần Đức Thanh thì: “Du khách là những người từ nơi khác đến với/ hoặc kèm theo mục đích thẩm nhận tại chỗ những giá trị vật chất, tinh thần, hữu hình hay vô hình của thiên nhiên và/ hoặc của cộng đồng xã hội. Về phương diện kinh tế, du khách là người sử dụng dịch vụ của các doanh nghiệp du lịch lữ hành, lưu trú, ăn uống...” [36, tr. 20]

Như vậy, có thể khái quát khách du lịch văn hóa tâm linh là: - Khách đi du lịch với mục đích là văn hóa tâm linh và mang đầy đủ các yếu tố của khách du lịch. Khách có thể đi với động cơ là nghỉ ngơi, phục hồi tâm sinh lý, hay đi với mục đích tham quan, nghiên cứu, học tập về văn hóa hoặc kết hợp với mục đích khác như công vụ, hội nghị, hội thảo.

Khách du lịch tâm linh ở Việt Nam thường hội tụ về các điểm du lịch tâm linh như: đền, chùa, đình, đài, lăng tẩm, tòa thánh, khu thờ tự, tượng niệm và những vùng đất linh thiêng gắn với phong cảnh đặc sắc, gắn kết với văn hóa truyền thống, lối sống địa phương. Ở đó, du khách tiến hành các hoạt động tham quan, tìm hiểu văn hóa lịch sử, triết giáo, cầu nguyện, cúng tế, chiêm bái, tri ân, báo hiếu, thiên, tham gia lễ hội...

1.2.7. Bảo tồn di sản văn hóa trong du lịch văn hóa tâm linh

* Di sản văn hóa (bao gồm vật thể và phi vật thể) được xác định là bộ phận quan trọng cấu thành môi trường sống của con người. Đó là tài sản quý giá không thể tái sinh và không thể thay thế nhưng rất dễ bị biến dạng do các tác động của các yếu tố ngoại cảnh như khí hậu, thời tiết, thiên tai, chiến tranh; sự phát triển kinh tế một cách ồ ạt; sự khai thác không có kiểm soát chặt chẽ; sự buôn bán trái phép đồ cổ; sự mai một truyền thống đạo đức do giao lưu, tiếp xúc

và cuối cùng là việc bảo tồn, trùng tu thiếu chuyên nghiệp, không theo đúng những chuẩn mực khoa học...đang là mối nguy cơ đối với các di sản văn hóa. Bởi vậy, việc bảo tồn, khôi phục, gìn giữ những tài sản quý báu đó vừa là nhu cầu tự thân, vừa là yêu cầu bắt buộc đối với hoạt động du lịch. Hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa đang là mối quan tâm của tất cả các quốc gia, đặc biệt là đối với các nước đang phát triển và hội nhập như Việt Nam. Tuy nhiên, đây cũng lại là một vấn đề rất nhạy cảm vì tài nguyên di sản văn hóa mang những đặc điểm rất riêng biệt, đa dạng và dễ bị tổn thương, ở nhiều nơi người ta đã và đang làm mất giá trị, thậm chí “giết chết” di tích trong quá trình trung tu. Nguyên nhân của mọi sự sai lầm đều xuất phát từ nhận thức lệch lạc, trong đại bộ phận các trường hợp là do quá coi trọng việc phát triển kinh tế, đặt mục tiêu lợi nhuận lên trên hết. Nguyên nhân thứ hai là sự thiếu hiểu biết về bảo tồn văn hóa, người ta nỗ lực làm lại mới hoàn toàn nhiều thành phần thậm chí cả một hạng mục công trình mà không hề biết rằng như thế di tích đã bị xóa sổ, thay vào đó là một hình ảnh phỏng dựng “vô hồn” của di tích. Do đó, quá trình bảo tồn di sản văn hóa phải được thực hiện nghiêm túc, có bài bản, trên cơ sở những kết quả nghiên cứu về di tích đó một cách thấu đáo, đồng thời phải được giám sát một cách cẩn trọng. Càng không nên coi công tác bảo tồn và trùng tu di tích là một loạt những công thức hay mô hình sẵn có mang tính vạn năng, cứng nhắc. Ngược lại, trong công tác bảo tồn và trùng tu di tích, các chiến lược cụ thể, những mô hình, nguyên tắc mang tính chất lý thuyết phải được vận dụng linh hoạt tùy thuộc vào điều kiện lịch sử, nét đặc thù và các mặt giá trị tiêu biểu của những di tích cụ thể theo thứ tự ưu tiên như sau: Thứ nhất, ưu tiên hàng đầu là bảo vệ và phát huy các mặt giá trị tiêu biểu của di tích (giá trị về mặt lịch sử, văn hóa, khoa học và những chức năng truyền thống cũng như công năng mới của di tích). Thứ hai, áp dụng mọi biện pháp có thể để bảo tồn và trùng tu, tạo điều kiện lưu giữ lâu dài và chuyển giao yếu tố nguyên gốc và tính chân xác lịch sử của di tích cho thế hệ tiếp theo, những người sẽ có các điều kiện vật chất và kỹ thuật chắc chắn là hơn hẳn chúng ta, có thể đưa ra những phương án bảo tồn

thích hợp hơn. Thứ ba, việc bảo tồn và trùng tu còn phải đảm bảo duy trì được những chức năng truyền thống của di tích. Bởi vì, những chức năng truyền thống đó sẽ tạo cho di tích khả năng đáp ứng được nhu cầu sử dụng của thời đại. Từ những điều trình bày ở trên, trong chiến lược bảo tồn và phát huy di sản văn hóa cần thực hiện những nguyên tắc sau: Thứ nhất, chỉ can thiệp tối thiểu tới di tích, nhưng cần thiết lập một cơ chế duy tu, bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ để đảm bảo cho di tích được ổn định lâu dài. Thứ hai, di tích có thể sử dụng và phát huy phục vụ nhu cầu xã hội theo những chuẩn mực khoa học đã được xác định. Sử dụng và phát huy các mặt giá trị của di tích cũng chính là biện pháp bảo tồn có hiệu quả nhất. Thứ ba, bảo tồn di sản văn hóa phải triển khai song song và phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và ngược lại, phát triển phải kết hợp với bảo tồn di sản văn hóa. Theo luật Di sản văn hóa (chương 1, điều 4) thì bảo tồn di sản văn hóa gồm các hoạt động sau: Su r tập là một tập hợp các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia hoặc di sản văn hoá phi vật thể, được thu thập, gìn giữ, sắp xếp có hệ thống theo những dấu hiệu chung về hình thức, nội dung và chất liệu để đáp ứng nhu cầu tìm hiểu lịch sử tự nhiên và xã hội. Kiểm kê di sản văn hóa: là hoạt động nhận diện, xác định giá trị và lập danh mục di sản văn hóa. Thăm dò, khai quật khảo cổ: là hoạt động khoa học nhằm phát hiện, thu thập, nghiên cứu di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia và địa điểm khảo cổ. Bảo quản di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia: là hoạt động nhằm phòng ngừa và hạn chế những nguy cơ làm hư hỏng mà không làm thay đổi những yếu tố nguyên gốc vốn có của di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia. Tu bổ di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh: là hoạt động nhằm tu sửa, gia cố, tôn tạo di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh. Phục hồi di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh: là hoạt động nhằm phục dựng lại di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh đã bị huỷ hoại trên cơ sở các cứ liệu khoa học về di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh đó.

Tiểu kết chương 1

Du lịch văn hóa tâm linh đang là một hình thức phát triển rất mạnh ở nhiều nơi trong đó có Việt Nam. Du khách đi theo loại hình du lịch này thường tìm đến các đình, chùa, các thắng tích tôn giáo, tín ngưỡng để ngắm cảnh, cúng bái, cầu nguyện. Tại đây, du khách hòa vào dòng tín đồ để cảm nhận vẻ yên bình, thanh thản, tĩnh tâm. Du lịch tâm linh luôn gắn với đức tin và hướng thiện. Nó khai thác yếu tố tín ngưỡng tôn giáo, tín ngưỡng dân gian hoặc lịch sử dân tộc. Một địa điểm hành hương có xuất xứ từ cội nguồn dân tộc, mang yếu tố tín ngưỡng tôn giáo sẽ đem lại niềm tin cho du khách về sức mạnh nội tâm, tìm đến sự an lạc trong tâm hồn và thăng hoa trong cuộc sống hướng thiện. Đây cũng chính là mục đích cao nhất của hành trình du lịch văn hóa tâm linh. Ngoài ra, hoạt động của loại hình du lịch này phải dựa trên nguyên tắc tôn trọng và gìn giữ các giá trị văn hóa bao gồm cả giá trị vật chất và giá trị tinh thần, thông qua hoạt động du lịch để bảo tồn các di tích có ý nghĩa tín ngưỡng tôn giáo như: chùa, đình, đền, nhà thờ... hay các nghi lễ truyền thống, lễ hội, văn hóa nghệ thuật, ẩm thực... Vì đó là đối tượng chính tạo nên sản phẩm du lịch văn hóa tâm linh hấp dẫn du khách.

CHƯƠNG 2

TIỀM NĂNG VÀ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH VĂN HÓA TÂM LINH TẠI MỘT SỐ NHÀ THỜ CÔNG GIÁO HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, NAM ĐỊNH

2.1. Khái quát về huyện Xuân Trường, Nam Định

Xuân Trường là huyện ở phía Đông Nam của tỉnh Nam Định, Phía Bắc giáp huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, phía Nam giáp huyện Hải Hậu, phía Đông giáp huyện Giao Thủy, phía Tây giáp huyện Trực Ninh.

* **Diện tích:** Diện tích tự nhiên 112,8 km².

* **Dân số:** Trên 19 vạn người, trong đó đồng bào theo đạo Thiên Chúa giáo chiếm khoảng 30%, mật độ dân số khoảng 1.696 người/km² (cao hơn bình quân chung của tỉnh). Dân số trong độ tuổi lao động có gần 10 vạn người (trong đó lao động nông nghiệp chiếm khoảng 72%). Nhìn chung, người lao động Xuân Trường có trình độ văn hóa, cần cù, sáng tạo trong lao động, nhiều người có tay nghề cao, là tiền đề quan trọng để phát triển nguồn nhân lực đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa quê hương.

* **Các đơn vị hành chính:** huyện gồm 19 xã và một thị trấn là Xuân Bắc, Xuân Châu, Xuân Đài, Xuân Hòa, Xuân Hồng, Xuân Kiên, Xuân Ninh, Xuân Ngọc, Xuân Phong, Xuân Phú, Xuân Phương, Xuân Tân, Xuân Thành, Xuân Thủy, Thọ Nghiệp, Xuân Thượng, Xuân Tiến, Xuân Trung, Xuân Vinh và Thị trấn Xuân Trường.

* **Điều kiện tự nhiên:** Là huyện thuộc vùng đồng bằng châu thổ Sông Hồng, địa hình bằng phẳng, đất đai phì nhiêu, màu mỡ, được bao bọc bởi 3 con sông lớn: phía Bắc là sông Hồng, phía Tây là sông Ninh Cơ, phía Đông là sông Sò, trên địa bàn huyện còn có hệ thống sông ngòi, mương máng thuận tiện cho giao thông vận tải và tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp.

* **Lịch sử hình thành:** Huyện Xuân Trường từ xa xưa vốn là một phần đất do biển bồi tạo nên của hương Giao Thủy. Vào thế kỷ XIII (thời Trần), huyện Giao Thủy (gồm cả Xuân Trường và Giao Thủy ngày nay) là một trong

bốn huyện thuộc Phủ Thiên Trường. Năm 1862 phủ Thiên Trường được đổi thành phủ Xuân Trường, như vậy tên Xuân Trường xuất hiện từ thế kỷ XIX nhưng không chỉ địa danh như hiện nay mà là địa danh của một phủ. Tới năm 1934 (đời vua Bảo Đại) phủ Xuân Trường chỉ còn là đơn vị hành chính cấp huyện, cùng với huyện Giao Thủy thuộc tỉnh Nam Định. Cho tới năm 1948 chính thức đổi phủ Xuân Trường thành huyện Xuân Trường.

Tháng 12/1967 theo Quyết định của Chính phủ, hai huyện Xuân Trường và Giao Thủy hợp nhất thành huyện Xuân Thủy.

Sau 30 năm hợp nhất, ngày 16/02/1997 Chính phủ đã có Nghị định 19/NĐ-CP chính thức tách huyện Xuân Thủy thành 2 huyện Xuân Trường và Giao Thủy. Huyện Xuân Trường tái lập, chính thức đi vào hoạt động theo đơn vị hành chính mới từ ngày 01/04/1997 đến nay.

*** Về phát triển kinh tế:**

Là một huyện trọng điểm lúa của tỉnh Nam Định, Xuân Trường có khoảng 8.000 ha đất nông nghiệp trong tổng số 11.047ha đất tự nhiên (chiếm khoảng 71%). Người nông dân ở Xuân Trường có truyền thống thâm canh lúa nước, tiếp thu nhanh những tiến bộ khoa học kỹ thuật ứng dụng vào sản xuất nên năng suất, sản lượng cây trồng, vật nuôi đã không ngừng tăng lên trong những năm qua. Xuân Trường nổi tiếng với gạo Tám xoan áp bẹ Xuân Đài, hay còn gọi là gạo “tiền vua” được ưa chuộng trong nước.

Sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ của huyện có bước phát triển mạnh kể từ sau khi tái lập huyện đã và đang trở thành khâu đột phá chiến lược trong phát triển kinh tế - xã hội của huyện với các ngành sản xuất chủ yếu là cơ khí, dệt may, vận tải thủy. Hiện trên địa bàn huyện đã hình thành 4 cụm công nghiệp tập trung với tổng diện tích 52 ha, đã thu hút 53 doanh nghiệp đầu tư, tạo việc làm cho hơn 5.000 lao động. Toàn huyện hiện có gần 300 doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đang hoạt động. Các làng nghề truyền thống của huyện gồm làng nghề cơ khí (xã Xuân Tiến), thêu ren (xã Xuân Phương), dệt chiếu cói (xã Xuân Ninh), chế biến lâm sản (xã Xuân Bắc), vận tải thủy (xã

Xuân Trung), sản xuất lúa tám thơm (xã Xuân Đài)...được duy trì và phát triển, đã giải quyết việc làm cho hàng vạn lao động với thu nhập ổn định.

*** Về văn hóa - xã hội:**

Xuân Trường là huyện có truyền thống văn hóa và cách mạng, có Chi bộ Đảng cộng sản Việt Nam từ năm 1930 và có nhiều nhà hoạt động cách mạng xuất sắc, giữ các trọng trách của Đảng, Nhà nước, Quân đội, tiêu biểu trong số đó là Tổng Bí thư - Chủ tịch nước Trường Chinh. Đến nay, toàn huyện có 16 sỹ quan cấp tướng, 11 anh hùng LLVT nhân dân, 2 anh hùng Lao động. Huyện và 11 xã, thị trấn trong huyện được phong tặng danh hiệu Anh hùng LLVTND thời kỳ chống Pháp; Hợp tác xã nông nghiệp xã Xuân Phương được phong tặng danh hiệu AHLĐ trong thời kỳ đổi mới.

Với bề dày lịch sử đáng tự hào, Xuân Trường có nhiều công trình kiến trúc văn hóa, tín ngưỡng tôn giáo độc đáo với 29 di tích lịch sử văn hóa được Nhà nước xếp hạng, tiêu biểu là Quần thể lưu niệm cố Tổng Bí thư Trường Chinh; Di tích chùa Keo được xây dựng từ thế kỷ XIII với nhiều giá trị kỹ - mỹ thuật nổi tiếng; Tiểu vương cung Thánh đường Phú Nhai, Tòa giám mục Bùi Chu - Trung tâm điều hành công giáo của các huyện phí Nam tỉnh Nam Định, đó là tiềm năng, lợi thế quan trọng về phát triển du lịch, phát triển kinh tế xã hội.

Người dân Xuân Trường vốn thông minh, sáng tạo, giàu ý trí, nghị lực và khát vọng vươn lên. Nhiều thế hệ đã hun đúc lên truyền thống hiếu học và học giỏi – một trong hai mũi nhọn truyền thống của Xuân Trường. Từ xưa, nơi đây đã có nhiều người đỗ đạt cao, tiêu biểu là các sỹ tử của làng Hành Thiện, Trà Lũ, Nghĩa Xá, Ngọc Tỉnh... Trong đó có nhiều học giả nổi tiếng, nhiều nhà nho yêu nước, nhà hoạt động cách mạng đầy nhiệt huyết đã để lại cho hậu thế những truyền thống tốt đẹp nhiều cuốn sách hay, những kinh nghiệm quý. Trong dân gian, từ lâu vẫn lưu truyền câu ca “Xứ đông Cổ Am, xứ Nam Hành Thiện” chính là nhắc tới làng Hành Thiện (xã Xuân Hồng) nổi tiếng cả nước về truyền thống học hành đỗ đạt. Thời nho học huyện có 11 người đỗ Đại khoa; sau cách mạng tháng Tám, sự học của người Xuân Trường tiếp tục được coi trọng và phát triển,

đến nay toàn huyện có 91 người có học hàm Giáo sư, Phó giáo sư; 263 người có học vị Tiến sĩ.

Các lễ hội truyền thống tiêu biểu: Lễ hội Đền – chùa Kiên Lao xã Xuân Kiên (05 tháng Giêng), Lễ hội làng An Cư xã Xuân Vinh (06- 07 tháng Giêng), lễ hội chùa Thọ Vực xã Xuân Phong (15 tháng Giêng), Lễ hội làng Nhân Thọ xã Thọ Nghiệp (15 tháng Giêng), Lễ hội làng Ngọc Tỉnh thị trấn Xuân Trường (11 tháng Giêng), Lễ hội làng Xuân Bảng thị trấn Xuân Trường (12/02- AL), Lễ hội Chùa Nghĩa Xá xã Xuân Ninh (01/3-AL), Lễ hội làng xã Xuân Bắc (15/3-AL), Lễ hội Đền Xuân Hy xã Xuân Thủy (20/8-AL), Lễ hội chùa Keo Hành Thiện xã Xuân Hồng (12-15/9-AL).

*** Về khí hậu**

Huyện Xuân Trường nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa nóng ẩm. Nhiệt độ trung bình năm khoảng 29⁰C, tháng thấp nhất có nhiệt độ khoảng 6,8⁰C, tháng cao nhất khoảng 39,5⁰C. Tổng tích ôn từ 8550⁰C-8650⁰C; Cho phép gieo trồng 2-3 vụ cây ngắn hạn trong năm.

Tổng số giờ nắng trong năm dao động khoảng từ 1600 - 1700 giờ vụ hè thu có giờ nắng cao nhất chiếm khoảng 70% số giờ nắng trong năm.

Năm mưa cao nhất 2754mm; năm mưa thấp nhất chỉ đạt 978mm. Lượng mưa trung bình hàng năm từ 1750 - 1800mm được chia làm 2 mùa rõ rệt: Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 10, mùa ít mưa bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau.

Độ ẩm độ không khí bình quân năm khoảng 80 - 85%, độ ẩm cao tuyệt đối 93% và độ ẩm thấp tuyệt đối là 34%.

Hướng gió chủ yếu là hướng Đông - Bắc, Đông - Nam với tốc độ bình quân 3-5m/s.

Nằm trong vành đai khí hậu của khu vực Vịnh Bắc Bộ nên thường xảy ra bão lớn gây ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống.

*** Về tài nguyên khoáng sản**

Qua tài liệu thu thập được có thể đánh giá khoáng sản trên địa bàn huyện Xuân Trường nghèo về chủng loại và ít về số lượng, chỉ có một số khoáng sản phi kim loại có thể khai thác phục vụ cho phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng ở địa phương như:

Đất làm gạch ngói nằm rải rác khu vực bãi ven sông Hồng và sông Ninh Cơ, trữ lượng đạt hàng chục triệu tấn có thể khai thác nhiều năm để sản xuất vật liệu xây dựng, nhất là gạch ngói. Các mỏ cát xây dựng tập trung ven sông Hồng và sông Ninh Cơ với chiều dài hơn 20km được bồi tụ thường xuyên, đây là nguồn nguyên vật liệu lớn làm vật liệu xây dựng. Hàng năm cát xây dựng khai thác khoảng 100 ngàn m³/năm. Nguồn đất làm gạch ngói tập trung chủ yếu ở Xuân Hồng, Xuân Ninh, Xuân Châu... Riêng ở Sa Cao (Xuân Châu) trữ lượng khoảng 5 - 10 triệu tấn.

Khoáng sản cháy: Dầu mỏ và khí đốt đã được thăm dò có ở khu vực xã Xuân Hồng, Xuân Thủy tuy nhiên trữ lượng ít. Khả năng đầu tư khai thác hiệu quả thấp.

2.2. Các nhà thờ Công giáo tiêu biểu trong huyện Xuân Trường

2.2.1 Khái quát về Giáo phận Bùi Chu

* Nhà thờ Bùi Chu là nhà thờ chính tòa của giáo phận Bùi Chu (Việt Nam có 26 nhà thờ Chính tòa tương ứng với 26 Giáo phận). Đây là “nhà thờ Mẹ” của tất cả các nhà thờ trong toàn tỉnh Nam Định.

* Cơ sở hình thành

Lược sử về Giáo phận Bùi Chu: Bùi Chu là mảnh đất được diễm phúc đón nhận hạt giống Tin Mừng đầu tiên tại Việt Nam. Theo Khâm Định Việt Sử:

«Giatô, dã lục, Lê Trang Tông, Nguyên Hoà nguyên niên, tam nguyệt nhật, Dương nhân danh Inêxu tiêm lai Nam Chân chi Ninh Cường, Quần Anh, Giao Thủy chi Trà Lũ âm dĩ Giatô tả đạo truyền giáo – Tháng 3 năm Nguyên Hoà thứ nhất (1533), đời Lê Trang Tông, người Tây Dương tên là Inêxu lén lút

Tiềm năng phát triển du lịch văn hóa tâm linh tại một số nhà thờ Công giáo huyện Xuân Trường, Nam Định

đến làng Trà Lũ thuộc huyện Giao Thủy và làng Ninh Cường, Quần Anh thuộc huyện Nam Chân, ngấm ngấm truyền tả đạo Giatô» (Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục*, quyển XXXIII, tờ 5-6).

«Trước kia, vào khoảng năm Nguyên Hoà (1533-1548) đời Lê Trang Tông, Inêxu, người Tây Dương, mới đem đạo ấy vào vùng ven biển, thuộc huyện Giao Thủy, huyện Nam Chân, lén lút truyền giáo, gọi là “đạo Thiên Chúa” cũng gọi là “Thập tự giáo”. Giáo lý này dùng thiên đường địa ngục để phân biệt báo ứng về điều thiện, điều ác, cũng gần giống đạo Phật, có thêm vào thuyết xưng tội, rửa tội nữa» (Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục*, quyển XLI, tờ 24-25).

Sự kiện này đã ghi đậm một dấu mốc lịch sử của Giáo Hội Việt Nam. Nó không chỉ khai mở công cuộc truyền giáo ở Việt Nam, mà còn đặt Bùi Chu vào những trang đầu và trở thành trung tâm truyền giáo ở giáo phận Đàng Ngoài trong những thế kỷ kế tiếp.

Bùi Chu còn thêm vào trang sử hào hùng của Giáo Hội Việt Nam: 26 vị thánh tử vì đạo sinh quán tại giáo phận Bùi Chu và 18 vị phục vụ tại đây trong số 117 vị thánh tử vì đạo nước Việt Nam. Đó là 44 vị hiền thánh tử vì đạo đại diện cho 514 tội tử Chúa và khoảng 16.500 vị anh hùng tử vì đạo đã chết để làm chứng cho Chúa, thuộc hàng giáo sĩ, tu sĩ nam nữ và giáo dân trong giáo phận Bùi Chu.

Ngày 9/9/1659, khi Toà Thánh chính thức thành lập 2 Giáo phận đầu tiên tại Việt Nam thì vùng đất của Giáo phận Bùi Chu đã có đông giáo hữu thuộc giáo phận Đàng Ngoài do các thừa sai dòng Tên rời đến các cha dòng Đa Minh phục vụ.

Năm 1668, Đức cha Pierre Lambert de la Motte đã truyền chức linh mục cho 4 thầy người Việt đầu tiên tại Xiêm (Thái Lan), trong đó có cha Gioan Huệ (1668-1671) được cử về phục vụ ở Kiên Lao giáo phận Bùi Chu.

Ngày 19/2/1670, Đức cha đã lập dòng Mến Thánh Giá tại Kiên Lao và chủ lễ khấn dòng cho hai nữ tu tiên khởi là chị Paola và chị Anê. Cũng năm đó,

*Tiềm năng phát triển du lịch văn hóa tâm linh tại một số nhà thờ Công giáo huyện
Xuân Trường, Nam Định*

Kiên Lao là giáo xứ có đông giáo hữu nhất trong Giáo phận Đàng Ngoài (hơn 2000 tín hữu) và cha Simon Kiên (nguyên quán), 1 trong 7 linh mục thuộc lớp linh mục người Việt thứ hai được truyền chức tại công đồng Phó Hiến (Hưng Yên), đã phục vụ rồi qua đời tại đây (1670-1684).

Ngày 15/11/1679, giáo phận Đàng Ngoài được chia thành hai: giáo phận Đông do Đức cha Deydier Điền coi sóc và Giáo phận Tây do Đức cha Bourges coi sóc. Suốt thời gian 1679-1848, Toà giám mục thường được đặt tại Lục Thủy Hạ (Liên Thủy), Trà Lũ, Trung Linh và Bùi Chu. Từ năm 1757, Toà Thánh trao Giáo phận Đông cho các cha dòng Đa Minh coi sóc và đảm nhiệm việc truyền giáo.

Năm 1848, Toà Thánh tách Giáo phận Đông Đàng Ngoài: một giữ tên Giáo phận cũ và một lấy tên Giáo phận Trung (nằm giữa Giáo phận Đông và Tây). Giáo phận mới tuy nhỏ bé về địa lý nhưng giáo dân lại nhiều gấp ba lần Giáo phận Đông (139.000 tín hữu).

Trong thời gian này, Giáo Hội Việt Nam gặp biết bao gian nan thử thách, do các sắc chỉ cấm đạo của các vua quan, đặc biệt là đời các vua Minh Mạng và Tự Đức. Tượng chũng Kitô giáo bị xoá sổ tại Bùi Chu, thì vào năm 1858, Đức cha Valentinô Berrio Ochoa Vinh và cha chính Emmanuel Riaño Hoà đã khẩn dưng giáo phận cho Đức Mẹ : *“Vì lời cầu bầu của Đức Mẹ, khi Thiên Chúa cho giáo dân thoát khỏi cơn bắt bớ đạo và được sống bình an, thì sẽ xây cất một thánh đường xứng đáng dâng kính Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội và nhận Người làm bổn mạng của giáo phận”*. Sau nhiều lần xây dựng, Đền thánh Phú Nhai hiện nay (xứ dầu thánh hiến trọng thể ngày 7/12/1933) là chứng tích tình Mẹ che chở Giáo phận và lòng yêu mến của toàn thể con cái Bùi Chu đối với Đức Trinh Nữ Maria Vô Nhiễm Nguyên Tội.

Ngày 3/12/1924, tất cả các Giáo phận ở Việt Nam đều được đổi tên theo địa hạt hành chính nơi đặt Toà giám mục, Giáo phận Trung được đổi tên thành Giáo phận Bùi Chu do Đức cha Pedro Muñagorri Trung coi sóc.

Giáo phận Bùi Chu trở nên quá lớn đối với một chủ chăn. Ngày 9/3/1936, Toà Thánh chia Giáo phận làm hai : Giáo phận Bùi Chu do Đức cha Đôminicô Hồ Ngọc Cẩn, vị giám mục bản quốc thứ hai cai quản, và Giáo phận Thái Bình vẫn do các vị thừa sai dòng Đa Minh cai quản. Điều đó chứng tỏ Giáo phận Bùi Chu đã có sự trưởng thành khá vững chắc. Khi đó, giáo phận gồm 6 huyện tỉnh Nam Định, dân số 944.900, số giáo dân 230.000 (24,45%), 100 linh mục (không kể linh mục thừa sai dòng Đa Minh), 390 thầy giảng, 520 thánh đường.

Cho đến năm 1954, Giáo phận Bùi Chu đã là một giáo phận có sự trưởng thành khá vững chắc với 178 linh mục triều, 14 linh mục dòng, 78 đại chủng sinh, một số lớn nữ tu và khoảng gần 210 ngàn giáo dân trên tổng số gần 900 ngàn người trên địa bàn và 103 giáo xứ. Biến cố ngày 20/7/1954, hiệp định Genève chia đôi đất nước: Đức cha, cha chính, cha văn phòng cùng với phần lớn các cha (khoảng 142 cha) trong đó có cha giám đốc, ban giáo sư đại chủng viện và chủng sinh, các bề trên và các hội dòng: Gioan Thiên Chúa, Đồng Công, Khiết Tâm (thầy giảng Bùi Chu), Mân Côi, Đa Minh, Mến Thánh Giá và dòng Kín Cát Minh đã di cư vào miền Nam cùng với trên 100.000 giáo dân. Giáo phận rơi vào hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Cả Giáo phận còn lại 35 linh mục hầu hết là già yếu, nhiều cha đã về hưu nay phải trở lại coi xứ cùng với 54 thầy giảng và 90 nữ tu.

Trong hoàn cảnh đó, Đức cha Phêrô Phạm Ngọc Chi đã cử cha văn phòng Giuse Phạm Năng Tĩnh trở về miền Bắc với tư cách là đại diện tông toà rồi giám quản Giáo phận và được tấn phong giám mục ngày 10/11/1960, tức là trước ít ngày thiết lập hàng giáo phẩm Việt Nam (24/11/1960) với tông hiến *Venerabilium Nostrorum* của Đức Thánh Cha Gioan XXIII. Đức cha Giuse Phạm Năng Tĩnh đã cho thành lập chủng viện Mẫu Tâm với hơn 200 chủng sinh. Ngày 27/11/1960, ngài phong chức linh mục cho 4 thầy giảng trong đó có thầy Giuse Vũ Duy Nhất, sau này làm giám mục.

Từ khi giáo phận tông toà Bùi Chu được nâng lên Giáo phận Chính toà ngày 24/11/1960, với sự tài tình khôn ngoan của Đức cha Giuse Phạm Năng

*Tiềm năng phát triển du lịch văn hóa tâm linh tại một số nhà thờ Công giáo huyện
Xuân Trường, Nam Định*

Tĩnh, Giáo phận đã từng bước vượt qua những chặng đường gian khó. Ngày 8/12/1963 đại lễ Đức Mẹ Vô Nhiễm, Đức cha đã truyền chức linh mục cho 29 thầy tại Đền thánh Phú Nhai. Sự kiện đó như ngày phục sinh của Giáo phận, nhiều giáo xứ đã có chủ chiên coi sóc sau nhiều năm không người chăn dắt.

Đức cha Giuse Phạm Năng Tĩnh đã chu toàn các nhiệm vụ khác nhau của một vị mục tử khôn ngoan và thánh thiện. Với tư cách là giám mục, giáo sư đại chủng viện, nhà đào tạo cho các chủng sinh và tu sĩ, chăm sóc mục vụ cho 7 giáo xứ với số giáo dân tới 2 vạn người, viết sách và dịch sách..., cuộc đời của ngài thật bề bộn. Vì quá vất vả và thời thế khó khăn, ngài đã lâm trọng bệnh và tạ thế ngày 11/2/1974 lúc tuổi đời vẫn còn trẻ (57 tuổi), trong sự tiếc thương vô vàn của mọi thành phần dân Chúa.

Sau hơn 1 năm trống toà, ngày 29/6/1975, cha chính giáo phận Đa Minh Lê Hữu Cung được thụ phong giám mục với khẩu hiệu “Adveniat regnum tuum”. Ngài đã phó dâng giáo phận cách đặc biệt cho Thánh Tâm Chúa Giêsu và cổ võ việc sùng kính Thánh Tâm. Vì thế ngài đã nhận tu hội Thánh Tâm vào Giáo phận năm 1980. Ngài đã truyền chức linh mục cho 13 thầy trong thâm lặng và đã nhờ các Đức cha khác truyền chức linh mục cho 3 thầy tại miền Nam. Ngoài ra ngài cũng nhường cho Đức cha phó Giuse Vũ Duy Nhất truyền chức linh mục cho 6 thầy cũng trong thâm lặng. Với tuổi cao và dày công phúc, Chúa đã gọi Đức cha Đa Minh Lê Hữu Cung về với Chúa ngày 12/3/1987. Trên bia mộ tại gian cung thánh nhà thờ Chính toà Bùi Chu, có ghi: “Nguyện xin cho Nước Chúa trị đến, mục tử trung thành, tông đồ Thánh Tâm Chúa”.

Sau khi Đức cha Đa Minh Lê Hữu Cung qua đời, Đức cha phó Giuse Vũ Duy Nhất (tân phong giám mục 8/8/1979) lên làm giám mục Chính toà (1987-1999) trong lúc đất nước bắt đầu bước vào thời kỳ đổi mới. Ngài đã canh tân cơ cấu tổ chức của Giáo phận, phát động các phong trào học hỏi giáo lý, cổ võ và khôi phục các hội đoàn trong Giáo phận. Ngài đặc biệt quan tâm việc đào tạo các linh mục. Từ năm 1989, Giáo phận có các chủng sinh theo học tại đại chủng viện Hà Nội. Tính đến nay đã có 25 linh mục của các khóa. Cùng lúc đó, được

*Tiềm năng phát triển du lịch văn hóa tâm linh tại một số nhà thờ Công giáo huyện
Xuân Trường, Nam Định*

sự giúp đỡ của Đức ông Gioan Trần Văn Hiến Minh, Đức cha đã gửi các chủng sinh vào học trong đại chủng viện Đức Ái tại Sài Gòn, một chủng viện ngoại trú liên giáo phận, học tập và tu luyện theo hiến pháp và chỉ nam gia đình Đức Ái, được Toà Thánh khích lệ với sự giúp đỡ của các vị chủ chăn và các giáo sư chuyên viên tại Sài Gòn, đặc biệt là Đức Tổng Giám mục Phaolô Nguyễn Văn Bình và nhóm các giáo sư gốc Bùi Chu. Có 7 khóa đã tốt nghiệp. Năm 1999, Đức cha Giuse Vũ Duy Nhất đã truyền chức cho 20 linh mục trong âm thầm. Sau khi hoàn tất công việc của người đầy tớ khôn ngoan và trung thành, ngài đã được Chúa gọi về vào ngày 11/12/1999.

Sau hơn 1 năm trống ngôi, ngày 8/8/2001 Giáo phận Bùi Chu có vị chủ chăn mới là Đức cha Giuse Hoàng Văn Tiệm. Với nhiều sáng kiến canh tân cơ sở vật chất và đường hướng mục vụ, Giáo phận mang một diện mạo mới. 120 linh mục giáo phận đã được phong chức dưới thời ngài. Đợt phong chức nhiều nhất vào năm 2007 gồm 64 linh mục, trong đó có 45 linh mục thuộc Bùi Chu. Ngài cũng gửi nhiều linh mục, tu sĩ và chủng sinh du học, làm nhân sự cho Học viện Thần học và Đại Chủng viện Bùi Chu, được Toà Thánh ban phép thiết lập năm 2009.

Ngày 24/12/2012, Đức cha Tôma Vũ Đình Hiệu được Toà Thánh bổ nhiệm làm giám mục phó Giáo phận Bùi Chu. Lễ nhậm chức được diễn ra ngày 01/2/2013, tại nhà thờ Chính toà Bùi Chu. Ngày 17/8/2013, Đức cha Giuse Hoàng Văn Tiệm qua đời, Đức cha Tôma Vũ Đình Hiệu lên kế vị. Tiếp nối công việc của các vị tiền nhiệm, ngài dần đưa Giáo phận vào ổn định về cơ cấu tổ chức, tăng cường nhân sự cho các ban ngành.

Nhờ lời cầu bầu của Đức Maria Vô Nhiễm Nguyên Tội, Mẹ Bùi Chu và của Cha thánh Đa Minh, cùng với những hy sinh lớn lao các vị chủ chăn và mọi thành phần dân Chúa, Giáo phận Bùi Chu đã vượt qua những chặng đường gian nan, với bao thăng trầm của lịch sử, để có được những thành quả tốt đẹp như ngày hôm nay.

Sắc chỉ thành lập: việc thành lập giáo phận Bùi Chu đã được Toà Thánh chính thức ban sắc chỉ ba lần:

- Ngày 5/9/1848, Đức Thánh Cha Piô IX ban sắc lệnh *Apostolatus Officium*, tách Giáo phận Đông Đàng Ngoài thành Giáo phận Trung gồm tỉnh Hưng Yên, Thái Bình và 6 huyện của tỉnh Nam Định, phần còn lại vẫn mang tên Giáo phận Đông.

- Ngày 3/12/1924, Đức Thánh Cha Piô XI ban sắc lệnh *Ordinarie Indosinensis* đổi tên Giáo phận Trung thành Giáo phận Bùi Chu.

- Ngày 9/3/1936, Đức Thánh Cha Piô XI ban sắc lệnh *Proecipuas inter Apostolicas* chia Giáo phận Bùi Chu thành Giáo phận Thái Bình (tỉnh Hưng Yên và Thái Bình) và Giáo phận Bùi Chu (2/3 tỉnh Nam Định).

2.2.2. Tên gọi và chức năng

Các tôn giáo đều có cơ sở thờ tự riêng, lịch sử Công giáo ban đầu các cơ sở Công giáo chỉ là các hoang toại đạo (Nơi có các mộ Thánh). Mãi đến thế kỷ IV mới xuất hiện các thánh đường đầu tiên. Tòa Thánh Vatican định nghĩa: “Nhà thờ được hiểu là nơi thánh, dùng vào việc thờ Phụng Thiên Chúa mà các tín hữu có quyền lui tới để làm việc thờ Phụng, nhất là nơi công cộng” (Khoản 1214 , giáo luật Công giáo 1986). Hiện tại ở Việt Nam, các nhà thờ Công giáo được chia làm 3 loại: Nhà thờ Chính toà (nhà thờ Mẹ của một Giáo phận, có đặt ngai Đức Giám mục), nhà thờ xứ đạo (nhà thờ của một xứ đạo – đơn vị cấp cơ sở của Giáo phận) và nhà thờ họ đạo (Nhà nguyện ở các họ đạo – đơn vị cấp cơ sở của giáo xứ)

2.2.3. Giá trị độc đáo của Lễ hội Công giáo

Lễ hội Công giáo cũng mang đầy đủ các đặc điểm của một lễ hội truyền thống Việt Nam, nhưng lễ hội Công giáo có đôi phần khác biệt. Ngay trong việc sinh hoạt nghi lễ mang tính lễ hội cũng mang đủ hai phần lễ và hội, tuy nhiên không có sự tách biệt như lễ hội truyền thống của Việt Nam. Đó là hình thức “Rước Kiệu”, đây cũng là một hình thức khá quan trọng trong đời sống tinh thần của người Công giáo. Trong nghi lễ này, người ta tổ chức rước kiệu đi xung

quanh nhà thờ hoặc xung quanh làng. Kiệu được sử dụng là kiệu cỗ truyền (Kiệu Vàng). Đi theo kiệu thường là các hội đoàn đạo đức, mỗi hội đoàn có kiệu màu đều có trang phục riêng của họ nên tạo ra một bức tranh sinh động. Các hội đoàn nối theo kiệu chia làm hai hàng, cứ đi một đoạn ban kim nhạc (kèn Tây) và đội nam nhạc (hội trống) sẽ thay phiên biểu diễn những bài nhạc đã tập trước. Trong khi đi, giáo dân đọc kinh cầu nguyện, sau đó ca đoàn sẽ hát thánh ca không nhạc một cách trang nghiêm. Nghi lễ này sẽ được thực hiện trong các ngày lễ quan trọng diễn ra quanh năm như: Kiệu hoa Đức Maria trong tháng hoa (tháng 5), kiệu Chúa Phụ Sinh, kiệu thánh Quan Thầy, kiệu Thánh Thể, kiệu Chúa Giáng Sinh. Điều đặc biệt khách tham quan cũng có thể tham gia vào đoàn rước, kể không cùng niềm tin Công giáo. Và đỉnh cao của phần lễ chính là rước kiệu vào trong nhà thờ để cử hành thánh lễ (Lễ Misa). Lịch trong Phụng vụ của người Công giáo được chia là 5 mùa (mùa Giáng Sinh, mùa Thường niên, mùa Vọng, mùa Chay, mùa Phục Sinh) trong đó mùa Thường niên là dài nhất. Các nhà thờ trong Giáo phận Bùi Chu đều nhận một Thánh để làm Quan Thầy (Đấng bảo trợ) cho nhà thờ của mình, nhưng nhà thờ Chính tòa là “nhà thờ Mẹ” của tất cả nhà thờ trong toàn Giáo phận Bùi Chu. Nên Quan Thầy của nhà thờ Chính tòa là một ngày lễ trọng, là một ngày lễ vui tươi náo nhiệt được giáo dân mong chờ, họ chuẩn bị kỹ lưỡng. Ngoài ra còn có nhiều ngày lễ quan trọng khác như mang tính toàn cầu như Lễ Chúa Giáng Sinh hay còn gọi là Noel (Đêm 24 rạng sáng 25/12). Đây là dịp lễ được nhiều khách du lịch tham quan vì họ muốn xem và thưởng thức cách bài trí tái hiện lại ngày Chúa sinh ra đời nơi hang đá máng cỏ... và tổng thể nhà thờ điện sáng rực rỡ lung linh như một tòa lâu đài tráng lệ. Ngoài ra tối 24 còn tổ chức các chương trình hoan ca văn nghệ để mừng Chúa giáng sinh làm kiếp con người. Sau chương trình là giờ canh thức mừng Chúa giáng sinh được diễn ra trang nghiêm, mọi người đều chìm đắm trong khoảnh khắc dành cho Chúa. Đỉnh cao là Thánh Lễ mừng Chúa giáng sinh và sau đó mọi người cùng chiêm ngắm Chúa Hài Đồng nằm trong máng cỏ, nghe những bài thánh ca trong cái lạnh cuối đông.

Như vậy với các nghi lễ Công giáo bằng hình thức lễ hội mang nhiều ảnh hưởng của lễ hội truyền thống Việt Nam, lễ hội Công giáo giúp giáo dân tại những nhà thờ sống đạo rất gần gũi, thân thương. Chính vì vậy mà giáo dân ở các nhà thờ trên toàn quốc, cách riêng các nhà thờ trong huyện Xuân Trường rất háo hức. Chuẩn bị đến những ngày lễ quan trọng Giáo dân họ tình nguyện và nhà thờ dọn dẹp, trang trí, tập hát, tập kèn, tập múa ... tạo nên một không khí vui tươi náo nhiệt. Đó là dịp biểu dương sức mạnh của cộng đồng, đoàn kết và gắn bó mật thiết với nhau, có trật tự. Vì vậy lễ hội ở một số nhà thờ Công giáo huyện Xuân Trường cũng có tiềm năng du lịch không hề thua kém bất kỳ một lễ hội nào trên dải đất hình chữ S mà còn có nhiều giá trị độc đáo.

Như vậy cùng với giá trị độc đáo của các công trình kiến trúc, các lễ hội Công giáo đặc sắc đã là cho các nhà thờ trong huyện thực sự là hội tụ những giá trị văn hóa, giá trị nhân văn sâu sắc, đến với các thánh đường còn tham gia dự vào thánh lễ, tham gia vào các cuộc rước, du khách có thể thực sự hòa mình vào để thấy và cảm nhận được niềm tin tôn giáo của giáo dân ở đây mạnh mẽ và nhiệt thành đến như thế nào.

2.2.4. Nhà thờ chính tòa Bùi Chu

*Nhà thờ Bùi Chu là nhà thờ chính tòa của Giáo phận Bùi Chu (Việt Nam có 26 nhà thờ Chính tòa tương ứng với 26 Giáo phận). Đây là nhà thờ Mẹ của tất cả các nhà thờ trong toàn Giáo phận Bùi Chu.

Làng Bùi Chu là nơi đã được đón nhận Tin Mừng vào khoảng năm 1670 do nỗ lực rao giảng của các cha thừa sai dòng Tên, nhất là cha chính François Deydier Điền (đến Bắc Kỳ năm 1666) rồi sau đó là các vị thừa sai dòng Đa Minh. Từ năm 1676, các cha dòng Đa Minh được cử đến vùng Sơn Nam Hạ (trong đó có làng Bùi Chu) để chăm sóc mục vụ và truyền giáo.

Năm 1763, toà giám mục tạm thời chuyển về làng Bùi Chu, giáo xứ Bùi Chu chính thức được thành lập lấy tên làng Bùi Chu đặt cho giáo xứ, hay còn gọi là Kẻ Bùi.

Từ năm 1848, Toà giám mục được đặt tại giáo xứ Bùi Chu. Nhà thờ của giáo xứ Bùi Chu nhận tước hiệu Đức Mẹ Mân Côi làm quan thầy (8-8 dương lịch). Hàng năm vào ngày 8 tháng 8, ngày lễ quan thầy của Giáo phận, có nhiều giáo dân tập trung về dâng lễ. Trong những năm bị bách hại, nơi đây đã nhiều lần là Toà giám mục của Giáo phận Đông Đàng Ngoài.

Nhà thờ Chính toà Bùi Chu được xây dựng và khánh thành vào năm 1885 thời Đức cha Wenceslao Oñate Thuận (1884-1897) với chiều dài 78^m, chiều rộng 22^m, chiều cao 15^m và 2 tháp chuông cao 30^m. Nhà thờ có chiếc đồng hồ cổ kính, sản xuất đơn chiếc theo đơn đặt hàng ở Pháp từ năm 1922. Máy đồng hồ có kích thước 1,2m x 0,7m, hoạt động theo nguyên tắc sử dụng thế năng. Đồng hồ dùng ba quả tạ bằng kim loại, mỗi quả chừng 50 kg.

Nhà thờ Chính tòa Bùi Chu là một trong những nhà thờ cổ kính nhất ở các tỉnh phía Bắc, có lịch sử tương đương Nhà thờ Đức Bà ở Sài Gòn (ra đời năm 1880) và Nhà thờ Lớn Hà Nội (ra đời năm 1886). Đây là nơi lưu dấu ấn lịch sử truyền giáo, giao thoa văn hóa Đông - Tây ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ, là công trình có giá trị đặc biệt về phương diện lịch sử, văn hóa, nghệ thuật kiến trúc.

Trải qua hơn 100 năm, ngôi nhà thờ này vẫn đứng vững với những cột gỗ lim và những đường nét hoa văn mang dấu ấn kiến trúc phương Tây. Cha chánh xứ hiện tại của nhà thờ Chính tòa là cha Giuse Nguyễn Đức Giang.

Trên gian cung thánh là nơi an nghỉ của bảy vị giám mục đã từng coi sóc giáo phận Bùi Chu (Đức cha Wenceslao Oñate Thuận, Đức cha Pedro Muñagorri Trung, Đức cha Đôminicô Hồ Ngọc Cẩn, Đức cha Giuse Phạm Năng Tĩnh, Đức cha Đa Minh Lê Hữu Cung, Đức cha Giuse Vũ Duy Nhất và Đức cha Giuse Hoàng Văn Tiệm).

Cho đến nay, nhà thờ vẫn còn giữ được những nét cổ kính ban đầu, xứng đáng là nhà thờ Mẹ của các nhà thờ trong Giáo phận. Việc trùng tu cũng sắp được tiến hành.

**Các cơ sở*

+ Đại chủng viện

Sau hơn nửa thế kỷ bị đóng cửa, đại chủng viện Bùi Chu đã được mở cửa trở lại. Đây là đại chủng viện liên Giáo phận, được Toà Thánh phê chuẩn qua văn thư số 52-2/09, đề ngày 7 tháng 12 năm 2009, do Đức Hồng y Ivan Dias, Tổng trưởng Bộ Rao giảng Tin Mừng cho các dân tộc ký. Phía Nhà Nước Việt Nam, với văn thư 35/TGCP-CG, Thủ tướng Chính phủ cũng chấp thuận việc thiết lập này. Thẻ theo sự hướng dẫn của Toà Thánh và chiếu theo các quy định của Bộ Giáo luật, ngày 2 tháng 2 năm 2010, Đức cha Giuse Hoàng Văn Tiệm, giám mục Giáo phận Bùi Chu đã long trọng công bố sắc lệnh thiết lập Đại chủng viện Bùi Chu, đồng thời ngài cũng ban hành sắc lệnh thiết lập ban giám đốc và ban linh giám. Đại Chủng viện được đặt dưới sự bảo trợ của Mẹ Maria Vô Nhiễm Nguyên Tội, Thánh Cả Giuse và Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II. Hiện nay có 172 chủng sinh, chia làm 8 lớp: tu đức, triết I, triết II, thứ và ngoại khoá. Ngoài phần lớn các chủng sinh đến từ Giáo phận Bùi Chu, còn có các chủng sinh đến từ các Giáo phận lân cận, như Hải Phòng, Hưng Hóa, Lạng Sơn và một số hội dòng tu.

+ Cô nhi viện Thánh An Bùi Chu

Cuối Nhà Thờ Chính Toà Bùi Chu về phía Tây Bắc có một cơ sở bác ái xã hội khá lâu đời, chính là nhà Dục Anh, được Thánh Giám mục Tử đạo Diaz Sanjurjo An (1852-1857) thành lập năm 1852. Vào giai đoạn đầu có ba dãy nhà được xây cất với mục đích thu lượm và đem về nuôi dưỡng những trẻ nhỏ dưới 12 tuổi, bị bỏ rơi vì cha mẹ mất sớm hoặc gia cảnh quá túng thiếu. Khi đó gọi là “Nhà Thiên Thần”. Đang khi nuôi dưỡng, những gia đình hiếm muộn con cái, có thể đón nhận về làm con nuôi. Các em không ai bảo lãnh, nhà Dục Anh nuôi cho ăn học, dạy nghề để các em có thể sống tự lập, xây dựng gia đình khi các em trưởng thành. Thời gian cấm đạo, cả ba dãy nhà bị phá bình địa, gỗ gạch cũng bị tịch thu đem đi xây nhà cho người khác.

Năm 1866, Đức Cha Barnabas Cézon Khang (1861-1880) lại tái thiết. Năm 1880, Đức Cha Emmanuel Rianno Hoà xây dựng thêm. Đến năm 1914, Đức Cha Munagorri Trung (1907-1936) cho xây dựng lại toàn bộ chắc chắn hơn, rộng rãi hơn, gồm: một nhà hai tầng, 3 nhà một tầng. Trung bình mỗi năm nhà Dục Anh đón nhận được khoảng 2000 em nhỏ (xem Sử ký Địa Phận Trung trang 237-238, khi đó còn cả Giáo Phận Thái Bình ngày nay).

Năm 1993, được sự uỷ thác của Đức cố Giám mục Giuse Vũ Duy Nhất, Ban Lãnh Đạo Cô Nhi Viện đã củng cố và hoàn thiện đội ngũ những anh chị em thiện nguyện để phục vụ tại Cô Nhi Viện.

Trước hiện trạng những ngôi nhà bị xuống cấp trầm trọng vì thời gian và gió bão, từ năm 1995, Ban Lãnh Đạo đã tiến hành nâng cấp và xây dựng thêm cơ sở hạ tầng theo quy hoạch mới, để có đủ tiện nghi nuôi dạy các em cho phù hợp. Các em được nuôi tại Cô Nhi Viện và tại Cộng Đồng không phân biệt tôn giáo, xa gần. Hiện nay đã có những em thuộc các tỉnh: Tuyên Quang, Yên Bái, Quảng Ninh, Phú Thọ, Cao Bằng, Bắc Giang, Bắc Cạn, Hà Nội, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình, Thái Bình, Hà Tĩnh, Đắc Lắc, Đồng Nai được hưởng nhờ. Từ hơn một trăm năm nay, có một cô nhi viện vẫn ngày ngày thu nhận, nuôi dưỡng những trẻ em khuyết tật, bị bỏ rơi không nơi nương tựa bởi tấm lòng từ bi của các cha, sự yêu thương của những “người mẹ” đã cống hiến đời mình nơi nhà Chúa.

+Nhà nguyện Tòa giám mục

Nguyện đường cao 35m- ngọn tháp vươn cao với Thánh Giá được nâng lên bởi tòa tam cấp, có dáng dấp Đông Phương lại Gò- Tích. Phần trên tòa nhà được dẫn vào bởi những bậc thang rộng. Bên tay phải cầu thang là tượng Thánh Giuse cõng Chúa Con trên vai mà không đâu có tượng này, ý nghĩa “Tình Cha”. Đối diện với tượng Thánh Giuse là tượng Đức Mẹ Sầu Bi ôm Con “Nghĩa Mẹ”. Cửa nhà nguyện 4 cánh, mỗi cánh là một công trình đầy ý nghĩa của các Bí Tích: Rửa Tội, Thêm Sức, Thánh Thể và Hòa Giải. Vào trong nhà nguyện, như lạc vào động tiên không gian cao vút với tượng ảnh, bàn thờ, màu sắc... được

sắp đặt một cách hài hòa. Tầng dưới nhà nguyện là nhà hầm các Thánh tử vì Đạo. Bên cạnh còn có 6 mẫu nữ tu: Đa Minh, Mân Côi, Trinh Vương, Thăm Viếng và Mến Thánh Giá. Khi vào hay khi ra khỏi phòng các Thánh, du khách có thể điểm vài tiếng chuông công, sản phẩm của Hội An, Đà Nẵng để ghi nhớ cuộc viếng thăm này.

Ngay tại gian giữa, nhiều người sửng sốt và cảm động, lần đầu tiên thấy tượng Đức Mẹ cho Con bú. Đức Mẹ bồng con ngồi trên vông tía, vông được móc vào hai cây trúc sơn son thếp vàng. Đây là một bức tượng có một không hai ở Việt Nam. Đức Mẹ Việt hóa với áo dài hồng nhung kim tuyến, quần trắng sa tanh, chân đi hài kiêu quý phái, mái tóc đen óng ánh. Cặp mắt mẹ âu yếm nhìn Con đang khát sữa. Trên đầu tượng Đức Mẹ có dòng chữ "...Phúc thay người mẹ đã cru mang và cho Thầy bú". Nhiều người mẹ đã đến đây để cầu xin cho có sữa nuôi con và biết cách dạy con. Phía trần nhà trên đầu Đức Mẹ là một bức phù điêu tuyệt tác, tả khung cảnh vinh hiển của các Thánh Tử Đạo tại Việt Nam trước vị vua Vinh Hiển là Đức Kitô Phục Sinh.

+ Vườn Kính

Mở cửa vườn, chúng ta sẽ gặp một Cỗ Tràng Hạt rất lớn, nặng 2,2 tấn. Mỗi hạt kính nặng 25kg. Trên cao có tượng Đức Mẹ bằng đá cẩm thạch nặng hơn 2 tấn, ngay sau lưng tượng Đức Mẹ là cây nến 7 ngọn cao 10m.

Bên phải là một bức tường cao, trên đó gắn sẵn những bản kính Ave Maria, tức là bản kính "Kính Mừng Maria" bằng các thứ tiếng trên khắp thế giới. Tổng số bản kính là 150, làm bằng đá cẩm thạch, mỗi bản kính có kích thước 2,20mx1,2m. Trong vườn Ave Maria còn có một số tượng lớn: Thánh Francis với con chó sói. Ở phía giữa hành lang là pho tượng Đức Mẹ cao 5m với những em nhỏ dâng hoa cho Đức Mẹ. Xa hơn ở cuối hành lang là tượng Thánh Don Bosco cao 3m và Thánh Đa Minh Savio (St.Dominic Savio).

Trong vườn còn có tượng "Người mẹ Bùi Chu", hình ảnh của một người mẹ tại Giáo phận Bùi Chu xưa kia, trên đường đi chợ, tay dắt đứa con nhỏ đến

trường, đầu đội cái thúng có nải chuối và con gà, tay kia cầm tràng hạt, vừa đi vừa lẩn chuối.

Nhạc khí tại Giáo phận là những nhạc cụ được chế tác độc đáo công phu mang nhiều ý nghĩa: Trống cái, kèn đồng, đàn lira, chiêng công...

Đàn Lira hay đàn Harpe hay đàn Vua David, vì trong hình vua David hay chơi thứ đàn này. Đàn được đặt trong một tòa nhà tròn theo kiểu Bắc Kinh, và được đặt trên một trống đồng đường kính 1,80m, có một thiếu nữ duyên dáng đang gảy cung.

+Phục Sinh Đường: Phục sinh đường là tổ hợp công trình kiến trúc nhiều ý nghĩa biểu tượng:

- **Nhà số 4** nói lên ý nghĩa của 4 sự: Chết, Phán xét, Thiên Đàng và Hỏa ngục.

Mặt trước nhà số 4 có tượng thiên thần thổi loa. Vào ngày tận thế các Thiên thần thổi loa báo động cho người chết sống lại. Dưới chân Thiên thần là một đồng hồ chạy ngược, bởi vì khi chết người ta hết thời giờ lập công, mà Thiên Chúa chỉ xét xử những gì xảy ra trong quá khứ.

Trên nóc nhà có 12 tượng các thánh Tông Đồ ngồi trên 12 ngai tòa mà xét xử 12 chi tộc Israel. Phía trên cao còn có 4 pho tượng các Thánh sử là các tác giả 4 sách Phúc Âm: Matthew, Mark, Luke và John.

Tầng dưới tòa nhà cất giữ 23 bộ xương các anh hùng tử đạo của Bùi Chu. Tầng giữa là nơi cử hành nghi lễ. Giữa gian có tượng Chúa Phục Sinh. Tầng trên giống như một phòng triển lãm các đồ thờ như: áo Lễ, chân nến, bình thánh, yên sách v.v. và một số pho tượng.

- **Đài xét xử:** Bên tay trái tòa nhà số 4. Thiên Chúa công minh xét xử người ta theo như những gì họ đã làm và được đưa lên cân tội phúc.
- **Tháp Thăng Thiên:**

Nếu một người ăn ở tốt lành thì được đưa sang tháp Thăng Thiên để lên trời, tượng trưng bằng 11 cánh hạc đang bay lên. Còn kẻ dữ thì phải đẩy vào hỏa ngục.

- **Hai bàn tay:** Phía sau tháp Thăng Thiên, bàn tay Chúa đang kéo tay người ta lên Thiên Đàng.

Nhà thờ Chính tòa Bùi Chu là một tổ hợp với nhiều công trình, hiện vật kỳ thú hấp dẫn không hề giống nơi nào. Hàng năm thường có rất nhiều du khách thập phương về thăm nhà thờ và chiêm ngưỡng những nét kiến trúc tiêu biểu, đồng thời tìm hiểu lịch sử vùng giáo xứ Bùi Chu.

2.2.5. Vương cung thánh đường Phú Nhai

Nhà thờ giáo xứ Phú Nhai (hay còn gọi là Vương cung thánh đường Đức Mẹ Vô nhiễm Nguyên tội, Phú Nhai). Nhà thờ Phú Nhai nằm ở trung tâm của xã Xuân Phương, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, cách thị trấn Xuân Trường hơn 1 km. Đây là một trong những ngôi nhà thờ có diện tích rộng lớn nhất Việt Nam.

Nhà thờ Phú Nhai nguyên thủy được tạo dựng bằng gỗ, lợp bởi do linh mục Chính xứ Emmanuel Rianô Hòa cho xây dựng vào năm 1866, ngay sau khi vua Tự Đức ký sắc lệnh tha đạo, chấm dứt gần 3 thế kỷ Kitô giáo bị bách đạo tại Việt Nam.

Năm 1881, Giám mục Hòa cùng với linh mục Barquerô Ninh xây nhà thờ thứ hai theo kiến trúc Á Đông và hai tháp chuông.

Năm 1916, Giám mục Phêrô Munagôri Trung và linh mục Morêno xây nhà thờ thứ ba theo kiến trúc Gothic. Khánh thành năm 1922 nhưng bị cơn bão lớn tàn phá nặng nề vào ngày 24 tháng 6 năm 1929.

Năm 1930, để có kinh phí xây dựng nhà thờ, bề trên Giáo phận đã mở cuộc xổ số trên toàn quốc. Sau nhiều biến cố lịch sử, nhà thờ này được xây dựng lại, hoàn thành và xức dầu cung hiến thánh đường vào ngày lễ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội 8 tháng 12 năm 1933.

Tháng 11/1949, một bộ phận quân viễn chinh Pháp chiếm đóng Phú Nhai, lấy nhà thờ có ngọn tháp cao làm điểm uy hiếp các vùng, lấy hai dãy hành lang làm trụ sở làm việc và dãy hướng Nam là nơi giam giữ, tra tấn cán bộ cách

mạng, nhanh chóng xây dựng công sự đào hào, đắp đường Ức từ Phú Nhai ra Bùi Chu để tiện việc hành quân, linh mục Lương Huy Hân làm tổng tuyên úy.

Sau thời gian chiến tranh bị hư hại, nhà thờ được trùng tu tôn tạo bởi Giám mục Đa Minh Nguyễn Chu Trinh khởi công từ ngày 17 tháng 3 năm 2003 cho đến 26 tháng 9 năm 2004 thì hoàn thành như diện mạo hiện nay.

Nhà thờ gốc có phong cách kiến trúc Gothic đậm dấu ấn Tây Ban Nha, sau được xây lại theo phong cách kiến trúc Gothic nước Pháp. Nhà thờ có kích thước: dài 80 mét, rộng 27 mét, cao 30 mét. Hai tháp chuông cao 44 mét đặt 4 quả chuông được đúc từ Pháp chuyển sang với trọng lượng là: 2.000 kg - 1.200 kg - 600 kg và 100 kg.

Mặt tiền nhà thờ từ ngoài vào, bên phải có tượng đài Thánh Đaminh cao 17m, riêng phần tượng cao 2,3m. Bên trái có Lăng lưu trữ hài cốt của 83 người tử đạo thuộc họ đạo xứ Phú Nhai cao 15m.

Xung quanh nhà thờ có các phù điêu thể hiện 14 Đàng Thánh Giá

Cha chánh xứ Vương cung thánh đường là Cha Giuse Phạm Quang Vinh.

Khi khách tham quan đứng trên ngọn tháp cao của nhà thờ Phú Nhai sẽ được chiêm ngưỡng được toàn cảnh của huyện Xuân Trường. Năm 2008 Đền thánh Phú Nhai được nâng lên hàng Tiểu Vương cung Thánh đường (Minor Basilica).

2.2.6. Đền thánh Kiên Lao

Đền thánh Kiên Lao được thành lập ngay từ thế kỷ XVI-thời gian đầu tiên Tin Mừng đến Đất Việt. Qua Công đồng Phó Hiến diễn ra vào ngày 23/12/1673, Giáo phận Đàng Ngoài được chia làm 5 xứ đạo, Kiên Lao là 1/5 xứ đạo đầu tiên đó và có khoảng 5283 tín hữu.

Năm 1670, Đức cha Lambert de la Motte chọn Kiên Lao là trung tâm điểm truyền giáo. Từ đây, Ngài lập Dòng Mến Thánh Giá đầu tiên. Cũng năm đó, Đức cha Lambert đã truyền chức linh mục cho cha Simon Kiên (Kiên Lao), là một trong những linh mục đầu tiên người bản địa Việt Nam.

Trong thời kỳ khó khăn của Giáo hội Việt Nam, Kiên Lao cũng là nơi cư trú, lánh nạn của nhiều vị thừa sai.

Năm 1997, nhà thờ Kiên Lao được Đức cha Giuse Maria Vũ Duy Nhất xúc dầu và nâng lên bậc Đền thánh dâng kính Thánh Gia Thất. Trước đó, giáo xứ Kiên Lao nhận Đức Mẹ Mân Côi làm Quan thầy.

Hiện nay, Giáo xứ Kiên Lao có 9215 nhân danh, là giáo xứ lớn nhất và đông nhất giáo phận (2014), gồm có 12 giáo họ.

Đầu tháng 7/2015, Đức cha Tôma đã chính thức nâng giáo họ Thánh Danh thành giáo xứ Thánh Danh, với 2700 giáo dân. Bồn mạng: Chúa Giêsu Hải Đông. Cha chánh xứ hiện nay là cha Giuse Vũ Thế Nghinh.

Đền thánh Kiên Lao có chiều dài 75m , rộng 26m , chiều cao 28m , hai tháp chuông cao 46m. Xung quanh Đền thánh là 14 Đàng Thánh Giá, ngoài ra còn có nhà giáo lý, nhà trung tâm mục vụ, lễ đài cuối Đền thờ.

Công trình thánh đường đã sử dụng các loại vật liệu và các loại ngày công như sau (từ 13 - 04 - 1994 đến 25 - 12 - 1999):

1. Vật liệu xây đúc thánh đường bao gồm:

- Khối lượng bê tông cốt thép 1800 mét khối
- Thép tròn các loại 250 tấn
- Gạch đỏ 1.550.000 viên
- Vôi xây: 310 tấn
- Xi măng: 930 tấn
- Cát vàng: 2000 mét khối
- Ngói nam: 160.000 viên
- Kính màu các loại: 350 mét vuông
- Gỗ lim, gỗ dổi: 102 mét khối
- Sắt làm cốt pha: 6 tấn
- Tre luồng, tre gai bác ráo: 5000 cây
- Bạch đàn, phi lao làm cột ráo: 1300 cây
- Đinh đóng gỗ các loại: 1.300 kg

- Que hàn các loại: 1.900 kg
- Dây buộc ráo cốn: 1.350 kg
- Lốp xe đạp cũ để bác ráo: 7.600 chiếc

2. Ngày công đóng góp cho công trình gồm các loại công như sau:

- Ngày công các hộ đã phục vụ: 162.015 công
- Công thợ xây: 16.481 ngày công
- Công thợ mộc: 12.912 ngày công
- Công thợ xẻ: 2.918 ngày công
- Công thợ sắt: 9.536 ngày công
- Công thợ điện và âm thanh: 5.370 ngày công
- Công bảo vệ trông coi: 5.170 công
- Công thiết kế kỹ thuật: 3.150 ngày công
- Công bác ráo: 5.818 ngày công
- Công do Đoàn Gia Trường đóng góp: 5.818 ngày công
- Công cung ứng vật tư: 1.050 ngày công
- Công y tế - bảo hộ lao động: 1.575 ngày công
- Công vận chuyển bằng thuyền: 415 ngày công
- Công phục vụ nước uống: 6.150 ngày công
- Công các cụ bô lão: 3.700 ngày công
- Công gián tiếp chung: 13.650 ngày công Tổng cộng: 255.160 ngày

công

(Theo số liệu thống kê chính thức của Giáo xứ Kiên Lao đã được niêm yết công khai tại Đền thánh)

2.3. Thực trạng hoạt động du lịch một số nhà thờ Công giáo tại huyện Xuân Trường Nam Định

2.3.1. Cơ sở hạ tầng

+ **Hệ thống giao thông:** Giao thông qua thành phố Nam Định dày đặc và thuận tiện: quốc lộ 10 từ Hải Phòng, Thái Bình đi Ninh Bình chạy qua và Quốc lộ 21B nối Nam Định với Quốc lộ 1A và đường Hồ Chí Minh, quốc lộ

*Tiềm năng phát triển du lịch văn hóa tâm linh tại một số nhà thờ Công giáo huyện
Xuân Trường, Nam Định*

38B từ Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nam xuống Nam Định, Ninh Bình. Quốc lộ 37 nối Hưng Yên với Nam Định, Thái Bình. Quốc lộ 21A đi Sơn Tây và các huyện Hải Hậu, Giao Thủy, Xuân Trường và bãi biển Quát Lâm, Đại lộ Thiên Trường đi Hà Nội. Quốc lộ 39 B Hưng Yên, Thái Bình Nam Định. Tỉnh lộ 490 (đường 55) đi Nghĩa Hưng và bãi biển Thịnh Long. Từ ngoài có 13 tuyến đường xuyên tâm đi đến thành phố. Thành phố Nam Định còn có tuyến đường sắt Bắc Nam chạy qua. Ga Nam Định là một trong những ga lớn trên tuyến đường sắt Bắc Nam, thuận tiện cho hành khách vùng nam đồng bằng đi đến các thành phố lớn trong cả nước như Hà Nội, Huế, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh. Thành phố Nam Định nằm bên hữu ngạn sông Hồng, thuận tiện cho giao thông đường thủy và thuộc tỉnh có 72 km bờ biển.

+ **Hệ thống cấp điện:** Đến nay lưới điện toàn tỉnh Nam Định đã có 2 trạm biến áp 220kV, 12 trạm biến áp 110kV, trên 2.354km đường dây trung thế, hơn 13.000 km đường dây hạ thế và 3.365 trạm biến áp phân phối. Lưới điện trung thế đã được cải tạo từ lưới 6kV và 10 kV lên cấp điện áp 35kV và 22kV hoàn thành xong cuối năm 2014. Lưới điện hạ thế nông thôn đã được Công ty tiếp nhận từ các Hợp tác xã nông nghiệp từ năm 2009 và đã được đầu tư cải tạo qua nhiều giai đoạn. Đến hết năm 2017 đã có 209/209 xã, thị trấn (đạt 100%) đạt tiêu chí số 4 về điện trong xây dựng nông thôn mới góp phần tích cực trong xây dựng nông thôn mới của tỉnh.

+ **Hệ thống vệ sinh môi trường:** Các công trình vệ sinh công cộng, các thùng chứa rác thải chưa được xây dựng và lắp đặt, các công trình vệ sinh công cộng còn nhỏ bé, chưa đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của khách hành hương, tham quan. Chính vì vậy vấn đề vệ sinh môi trường cần được quan tâm đầu tư xây dựng một cách đồng bộ.

2.3.2. Cơ sở vật chất kỹ thuật

+ **Cơ sở lưu trú, ăn uống:** Hiện nay khách đến với các nhà thờ Huyện Xuân Trường chỉ trong ngày hoặc chỉ vài giờ. Nguyên nhân chính là thực trạng trên là do các cơ sở lưu trú nhỏ lẻ, chưa đem lại hiệu quả kinh tế kinh doanh.

*Tiềm năng phát triển du lịch văn hóa tâm linh tại một số nhà thờ Công giáo huyện
Xuân Trường, Nam Định*

Xung quanh các nhà thờ chưa có nhiều các nhà nghỉ, các khu ăn uống. Mà chỉ các nhà dân tự phát chưa đạt được tiêu chuẩn của du lịch, chủ yếu phục vụ khách vãng lai, các cơ sở ăn uống chưa có sản phẩm đặc trưng, không đáp ứng nhu cầu càng cao của khách du lịch.

+ **Khu mua sắm – cửa hàng bán đồ lưu niệm:** Khu vực ở nhà thờ Chính Tòa Bùi Chu chỉ có hai nhà bán hàng lưu niệm do các nữ tu dòng Đa Minh, và một số nhà thờ khác một số cửa hàng nhỏ bé khác của một số gia đình mở bày bán sách Thánh, tranh ảnh Công giáo, và các đồ trong Phụng vụ nghi lễ. Với quy mô nhỏ mới chỉ có một đến hai quầy đối với các điểm du lịch đông như nhà thờ chính Tòa, Vương cung thánh đường Phú Nhai, Đền thánh Kiên Lao.

+**Nguồn nhân lực:** Là một nguồn lực rất quan trọng đối với sự phát triển của du lịch. Nguồn lực này bao gồm cả cộng đồng dân cư địa phương nơi nơi có điểm du lịch và những người phục vụ trực tiếp trong ngành du lịch.

Với cộng đồng dân cư địa phương tính đến năm 2016 huyện Xuân Trường có dân số 190000 nghìn người. Kết cấu dân số trẻ (Nguồn UBND huyện Xuân Trường 2016). Người Nam Định nói chung, huyện Xuân Trường nói riêng cần cù, thông minh, sáng tạo, dũng cảm, dám nghĩ dám làm, nhất là trong lĩnh vực kinh tế. Họ có kinh nghiệm trong việc sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ chế tác các các mặt hàng thờ phượng như các bức phù điêu, tượng, chân dung. Tuy nhiên do sự thiếu quan tâm của các cơ quan quản lý về du lịch của Nam Định nói chung, huyện Xuân Trường nói riêng, cư dân ở những khu vực này còn thiếu sự hiểu biết và kỹ năng cơ bản trong hoạt động du lịch. Chính vì thế chưa gây được ấn tượng mạnh đối với khách du lịch.

Về nguồn nhân lực phục vụ trực tiếp trong ngành du lịch ở các nhà thờ tiêu biểu trong huyện như nhà thờ chính Tòa Bùi Chu, Vương cung thánh đường Phú Nhai, Đền thánh Kiên Lao là các Thầy, các Sơ, anh em ứng sinh... Tại những địa điểm này những hướng viên du lịch là các Thầy, các Sơ đều có trình độ học vấn cao (tất cả đều trình độ đại học) có sự hiểu biết về các nhà thờ tiêu biểu trong Giáo phận Bùi Chu. Các Thầy, các Sơ được đào tạo một cách bài bản về

Tiềm năng phát triển du lịch văn hóa tâm linh tại một số nhà thờ Công giáo huyện Xuân Trường, Nam Định

triết học, thần học, có trình độ ngoại ngữ. Khi đó tạo được ấn tượng tốt đối với khách hành hương trong nước và quốc tế. Nhưng điểm yếu họ chưa được đào tạo qua một khóa đào tạo về nghiệp vụ hướng dẫn du lịch. Thêm nữa họ là những người tu hành nên họ có thể nghỉ bất cứ khi nào do yêu cầu công việc Phụng vụ. Do đó gây cản trở cho hoạt động hướng dẫn tham quan.

2.3.3. Công tác quản lý du lịch

Công tác tổ chức quản lý của mỗi điểm du lịch khác nhau (nhà thờ) đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển du lịch. Nếu có sự quản lý chặt chẽ sẽ đảm bảo cho việc phát triển du lịch ổn định. Với công tác quản lý ở một số nhà thờ huyện Xuân Trường còn nhiều bất cập. Vì các nhà thờ là nơi thờ tự, bởi thế mà mọi hoạt động đều dưới sự giám sát của Tòa giám mục. Hiện nay ở các nhà thờ huyện Xuân Trường chưa có một phòng du lịch chuyên trách nào cả, các đoàn đến tự liên hệ trước với các cha sở tại. Khi các hoạt động kinh doanh dịch vụ chung quanh các nhà thờ diễn ra không trật tự và thiếu lành mạnh sẽ không có lực lượng nào quản lý nhắc nhở, điều này gây khó khăn không tốt đến hoạt động của các nhà thờ.

Vậy thực trạng công tác quản lý các nhà thờ huyện Xuân Trường còn nhỏ lẻ, chưa có sự thống nhất. Để khai thác có hiệu quả các nhà thờ trong huyện phục vụ cho khách hành hương, tham quan cần có những giải pháp mới phù hợp. Được như vậy hoạt động du lịch văn hóa tâm linh mới phát triển tương xứng với tiềm năng.

2.3.4. Khai thác các giá trị của một số nhà thờ huyện Xuân Trường

Như nhà thờ chính tòa Bùi Chu, Vương cung thánh đường Phú Nhai, Đền thánh Kiên Lao là những điểm du lịch văn hóa mang nhiều giá trị độc đáo về mặt kiến trúc, các lễ hội truyền thống và cả giá trị tâm linh. Tất cả chỉ trong tình trạng khai thác tiềm năng. Phần lớn khách hành hương tham quan đến đây chỉ dừng lại trong một khoảng thời gian ngắn. Các doanh nghiệp lữ hành chưa thấy được tiềm năng lớn của các nhà thờ trong huyện, đó là giá trị tâm linh biểu hiện qua

các ngày lễ hội truyền thống. Chính vì vậy mà chưa xây dựng được các sản phẩm du lịch.

2.3.5. Nguồn khách

Thực trạng khách du lịch đến với các nhà thờ không cao 50.000 lượt khách/ năm đối với nhà thờ Chính tòa Bùi Chu, Vương cung thánh đường Phú Nhai khoảng 50.000 lượt khách / năm, Đền thánh Kiên Lao 40.000 lượt khách / năm. (Nguồn văn phòng Tòa giám mục Bùi Chu). Chủ yếu là khách tham quan hành hương của các đoàn khách Công giáo đến từ Giáo tỉnh Hà Nội chiếm tỉ lệ cao. Một phần nhỏ khách là các đoàn học sinh, sinh viên các trường phổ thông....

Số lượng khách quốc tế chiếm ít phần trăm (%) cho thấy các nhà thờ trong huyện chưa có sức hút đối với loại khách này. Một phần lý do là tại đây chưa có các hướng dẫn viên chưa đạt trình độ cao về ngoại ngữ và chuyên môn nghiệp vụ để hấp dẫn khách quốc tế.

2.3.6. Thời gian lưu trú của khách

Phần lớn các khách hành hương tham quan các nhà thờ trong huyện Xuân Trường chỉ trong một ngày thậm chí vài giờ đồng hồ. Như vậy ta có thể thấy rõ các khu nhà thờ này chỉ là nơi dừng chân trong Tour, thậm chí để chụp hình và mua đồ lưu niệm, rồi tiếp tục lên xe về trung tâm thành phố hoặc xuống bãi biển nghỉ ngơi ăn uống vui chơi. Thực trạng của việc này là tại các điểm gần nhà thờ chưa có cơ sở lưu trú, dịch vụ nào đạt chất lượng để giữ chân khách ở lại lâu hơn.

2.3.7. Doanh thu du lịch

Các nhà thờ trong huyện không có chủ trương thu lợi nhuận từ việc kinh doanh các giá trị của nhà thờ. Vì các nhà thờ là “Ngôi nhà của Chúa”, bởi vậy tại các nhà thờ sẽ không thu bất cứ một khoản nào như phí tham quan, phí hướng dẫn viên ... tất cả là do tinh thần tự nguyện của khách vào các hòm công đức của nhà thờ. Các dịch vụ bổ sung quanh khu vực nhà thờ sẽ là nguồn doanh thu chủ yếu, tuy nhiên nguồn thu này không đáng vì các cơ sở kinh doanh lưu

Tiềm năng phát triển du lịch văn hóa tâm linh tại một số nhà thờ Công giáo huyện Xuân Trường, Nam Định

trú ăn uống, bán đồ thờ phượng đơn điệu nhỏ lẻ, không có các dịch vụ bổ sung và khu vui chơi giải trí. Do vậy khách đến đây tham quan không biết tiêu tiền vào đâu, vì thời gian quá ngắn. Đa phần các dịch vụ lưu trú, ăn uống, quầy hàng lưu niệm do các hộ gia đình với vốn đầu tư ít nên họ không có đầu tư nâng cao chất lượng. Chính điều này cần có sự quan tâm của nhà thờ và cơ quan quản lý và các nhà kinh doanh, cần phải đổi mới chính mình mới có thể phát triển hoạt động du lịch tại các điểm du lịch theo hướng thị trường.

2.3.8. Nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực phục vụ các nhà thờ chính là nhân tố quan trọng. Nhưng hiện nay, không ít xứ đang gặp khó khăn vì thiếu người. Tại nhiều nhà thờ trong huyện xuất hiện các dòng tu, các Thầy chủng sinh giúp xứ, nhưng chỉ số ít. Các Cha xứ mời các tu sĩ này tham gia vào việc chung của giáo xứ. Ngoài ra một lượng giáo dân nòng cốt được bầu chọn từ giáo dân đó là Ban Hành Giáo, họ là những người trông coi trực tiếp các nhà thờ, nhưng không được đào tạo về Thần học, không có kiến thức chuyên sâu về Kinh Thánh

2.3.9. Thực trạng xuống cấp và tái thiết một số nhà thờ Công giáo huyện Xuân Trường

Theo sự khảo sát thực tế những nhà thờ lớn tiêu biểu trong huyện, các nhà thờ hầu hết được trùng tu tôn tạo lại.

2.3.9.1. Vương cung thánh đường Phú Nhai: Sau thời gian chiến tranh bị hư hại, nhà thờ được trùng tu tôn tạo bởi Giám mục Đa Minh Nguyễn Chu Trinh khởi công từ ngày 17 tháng 3 năm 2003 cho đến 26 tháng 9 năm 2004 thì hoàn thành như diện mạo hiện nay.

2.3.9.2. Đền thánh Kiên Lao: Cũng như Vương cung thánh đường Phú Nhai, do biến cố thời gian và qua 2 cuộc chiến tranh nên thánh đường cũ đã xuống cấp trầm trọng. Để có ngôi thánh đường đồ sộ và nguy nga như ngày hôm nay, năm 1993 Cha chánh xứ và hội đồng giáo xứ đã họp bàn thống nhất xây dựng lại ngôi thánh đường này.

2.3.9.3. Nhà thờ Chính tòa Bùi Chu: Nhà thờ Bùi Chu được xây dựng từ năm 1884 bởi giám mục người Tây Ban Nha Wenceslao Onate Thuận, và khánh thành năm 1885, nhà thờ đã qua hai lần trùng tu vào năm 1974 và 2000. Trải qua 134 năm hiện tại nhiều chỗ bên trong nhà thờ đã xuống cấp. Ở bên ngoài, mỗi khi trời mưa, một bên nhà thờ lại bị ngập nước. Phần mái nhà thờ đã mục, tường xây bằng vôi cát qua thời gian bị bong tróc, một bên tháp bị nghiêng... Nhà thờ đã không còn an toàn cho giáo dân mỗi khi đến thờ phượng Chúa, tham dự Phụng vụ, nhất là diện tích nhà thờ cũ quá nhỏ không đáp ứng được nhu cầu của giáo dân mỗi khi chức các đại lễ lớn của Giáo phận. Chính vì thế, mà tín hữu trong Giáo phận cũng đều mong ước có một nhà thờ mới, rộng rãi và khang trang hơn, đáp ứng được nhu cầu của giáo dân. Do đó khi bàn đến việc xây dựng mới lại ngôi thánh đường ai cũng nhiệt thành ủng hộ.

Đức cha Tôma Aquinô Vũ Đình Hiệu Giám mục Chính tòa Giáo phận Bùi Chu hiện có dự tính hạ giải nhà thờ này để tái thiết mới vào ngày 13/5/2019. Thời gian đại tu nhà thờ trong khoảng 4 - 5 năm. Việc này khiến nhiều kiến trúc sư không đồng tình, cụ thể hôm 30/4/2019, 25 kiến trúc sư, nhà bảo tồn di sản đã gửi đơn tới Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc, Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch Nguyễn Ngọc Thiện và Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định Phạm Đình Nghị, kiến nghị tạm dừng phá dỡ Nhà thờ Bùi Chu để chờ đánh giá toàn diện của Hội đồng di sản quốc gia. Qua khảo sát thực tế, một số kiến trúc sư kết luận nhà thờ chỉ hư hỏng nhẹ, không nhất thiết phải tháo dỡ.

Trên tinh thần cầu thị, đại diện Giáo phận Bùi Chu là linh mục Giuse Nguyễn Đức Giang, tổng đại diện, trưởng ban xây dựng nhà thờ Chính tòa Bùi Chu, vừa có văn bản thông báo về việc tạm hoãn hạ giải nhà thờ Chính tòa Bùi Chu vào ngày 10/5/2019, để tiếp thu ý kiến đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Theo hồ sơ thiết kế, ngoài việc sử dụng các vật liệu xây dựng kiên cố đảm bảo chất lượng công trình và có một số thay đổi nhỏ, còn lại nhà thờ Chính tòa Bùi Chu sau khi được đại tu về cơ bản vẫn giữ quy mô, kiến trúc, hoa văn như nhà thờ cũ.

Tiểu kết chương 2

Như vậy qua sơ lược về tình trạng hoạt động du lịch tại một số nhà thờ huyện Xuân Trường có thể rút ra một vài nhận xét: trong những năm gần đây, lượng khách của tỉnh có xu hướng tăng chậm dần. Ngoài những yếu tố về điều kiện hạ tầng, cơ sở vật chất chuyên ngành du lịch, chất lượng dịch vụ, nguồn nhân lực còn hạn chế, các nhà thờ trong huyện còn phải đối mặt với sản phẩm du lịch còn nghèo nàn, phần lớn khai thác ở dạng tự nhiên, chưa phát triển quy củ, đồng bộ để thu hút du khách. Chưa khai thác hết tiềm năng du lịch của các nguồn tài nguyên này. Thực tế đòi hỏi chúng ta nghiên cứu và đưa ra những giải pháp để khai thác tài nguyên này. Để các nhà thờ trong huyện hoàn toàn có thể trở thành một điểm đến hút khách do nơi đây là một vùng đất cổ, có bề dày lịch sử.

CHƯƠNG 3

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH VĂN HÓA TÂM LINH TẠI MỘT SỐ NHÀ THỜ CÔNG GIÁO HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, NAM ĐỊNH

3.1. Định hướng

Các nhà thờ Chính tòa Bùi Chu, Vương cung thánh đường Phú Nhai, Đền thánh Kiên Lao là một trong những điểm du lịch tâm linh Công giáo trong Giáo phận Bùi Chu. Vì vậy định hướng phát triển ở các nhà thờ này là hết sức quan trọng.

Tuy nhiên đối với các nhà thờ này, du lịch phải phát triển một cách bền vững có nghĩa là vừa đáp ứng được nhu cầu của khách hiện tại và vẫn đảm bảo được khả năng đáp ứng cho thế hệ tương lai. Du lịch tâm linh các nhà thờ phải là kinh tế mũi nhọn của huyện Xuân Trường, gắn với lợi ích cộng đồng, góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất tinh thần của nhân dân trong vùng. Phát triển cũng phải gắn liền với việc gìn giữ và phát triển bản sắc, truyền thống văn hóa và không gian tín ngưỡng, đời sống tâm linh sâu sắc của giáo dân tại đây. Các nhà thờ này là điểm du lịch tâm linh, mang những nét đặc trưng của đạo Công giáo. Chính vì điều đó phát triển du lịch tại các nhà thờ này, phải đặt trong không gian du lịch sâu lắng, linh thiêng, không quá ồn ào. Các công trình kiến trúc nhà thờ, phải được bảo tồn nguyên vẹn, các ngày lễ hội cũng phải được bảo tồn và duy trì một cách tự nhiên. Các khu lưu trú, ăn uống, quầy lưu niệm phải được xây dựng và quy hoạch lối riêng phù hợp với các nhà thờ không quá đồ sộ, có không gian thoáng đãng, như vậy mới tạo cho du khách một cảm giác thư thái bình an, mới để lại ấn tượng cho du khách.

Đó là một số định hướng chung cho sự phát triển du lịch văn hóa tâm linh tại một số nhà thờ Công giáo tại huyện Xuân Trường, mà tác giả xin đưa ra với những kinh nghiệm thực tế và kiến thức còn hạn chế của bản thân.

3.2. Một số giải pháp phát triển du lịch văn hóa tâm linh một số nhà thờ Công giáo huyện Xuân Trường, Nam Định

3.2.1. Tăng cường đầu tư xây dựng, nâng cấp

Trước tiên phải khẳng định rằng: cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở hạ tầng phục vụ khách du lịch tâm linh là điều quan trọng nhất đối với sự phát triển du lịch tại một điểm du lịch. Thực tế tại một số nhà thờ Công giáo trong huyện như nhà thờ chính tòa Bùi Chu, Vương cung thánh đường Phú Nhai, Đền thánh Kiên Lao do điều kiện cơ sở vật chất còn quá nghèo nàn và lạc hậu, nhỏ bé chưa xứng đáng để giữ chân khách lâu hơn. Điều đó cho thấy cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở hạ tầng, có một vị trí quan trọng trong phục vụ du lịch với việc khai thác du lịch tại những nhà thờ này. Chính vì điều đó, muốn phát triển du lịch tâm linh tại các nhà thờ này, cần phải nâng cấp và đầu tư xây dựng các cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho du lịch tâm linh.

3.2.2. Về quy hoạch

Bản quy hoạch chi tiết của các nhà thờ Chính tòa Bùi Chu, Vương cung thánh đường Phú Nhai, Đền thánh Kiên Lao phải nằm trong bản quy hoạch tổng thể phát triển du lịch của huyện Xuân Trường cũng như tỉnh Nam Định. Sở Văn hóa – Thể thao – Du lịch Nam Định phải lựa chọn những nhà đầu tư có đủ kinh nghiệm trong quy hoạch du lịch. Đối riêng với các nhà thờ trong tỉnh Nam Định nói chung và huyện Xuân Trường nói riêng bản quy hoạch chi tiết phải đảm bảo tính chất tôn nghiêm, môi trường thanh bình cho các nhà thờ. Các cơ sở lưu trú ăn uống, vui chơi giải trí, mua sắm không được ảnh hưởng quá nhiều đến không gian riêng của các khu nhà thờ. Để đảm bảo được các điều đó khi xây dựng các cơ sở kinh doanh du lịch phải cách xa nhà thờ 200 mét, không làm ảnh hưởng tới không khí tôn giáo linh thiêng. Các nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ phải nằm bố trí xa hơn khu vực đường dẫn vào nhà thờ. Các quán cà phê, phòng tràcó thể mở ở dọc con sông Ninh Cơ với không khí thiên nhiên mát mẻ. Các khu vui chơi giải trí, thể thao có thể xây dựng ở dọc các tuyến phố chính của huyện, nhưng vẫn phải cách xa khu nhà thờ để bảo vệ không gian tôn nghiêm .

3.2.3. Hệ thống cơ sở hạ tầng

* **Điện:** Với hệ thống điện ở các khu nhà thờ, cần được nâng cấp và mở rộng để đảm bảo cung cấp liên tục cho các hoạt động diễn ra tại đây. Đối với mùa hè để tránh tình trạng cắt điện luân phiên, cần phải lắp đặt các máy phát điện dự phòng công suất lớn.

* **Khu vệ sinh công cộng và khugom rác thải, xử lý rác:** Cần được quan tâm hơn để đảm bảo cho môi trường xanh - sạch - đẹp. Đầu tiên cần phải xây dựng khu vệ sinh ngay trong khuôn viên nhà thờ kín đáo, sạch sẽ, tiện nghi và hiện đại hơn để đáp ứng nhu cầu của khách. Ngoài ra đặt các thùng rác ở mọi góc trong khuôn viên và ngoài, có kế hoạch thu gom rác và xử lý rác đúng quy trình.

* **Bãi đậu xe:** Không nằm quá gần nhà thờ, gây ô nhiễm tiếng ồn và khói bụi làm mất đi vẻ tôn nghiêm. Chính vì thế bãi đỗ xe khách du lịch cần phải dời tới một chỗ hợp lý. Bãi đậu cần có cây cối bao quanh, đường dẫn thuận lợi và thoáng rộng.

3.2.4. Giữ gìn, bảo tồn các nhà thờ

Trong quá trình phát triển du lịch luôn đi đôi với việc giữ gìn, bảo tồn đối với các nhà thờ. Những người làm công tác quản lý thường xuyên kiểm tra, khảo sát định kỳ. Đối với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan cần quan tâm hơn nữa, đầu tư, hỗ trợ kinh phí và tạo điều kiện cho việc bảo tồn.

Về bên Giáo hội Công giáo cụ thể là Đức Cha Vũ Đình Hiệu Giám mục Chính tòa Giáo phận cần lập hồ để thông qua Ủy ban Văn hóa trực thuộc Hội đồng Giám mục Việt Nam sẽ trình lên bộ Văn hóa, đề nghị một số nhà thờ trong huyện là di sản cấp Quốc gia và di sản Văn hóa của UNESCO. Tiêu biểu như nhà thờ chính Tòa Bùi Chu với 134 năm tuổi đương hội đủ những yếu tố quý giá như lịch sử Giáo hội, kiến trúc mỹ thuật độc đáo.

Đối với những người trực tiếp quản lý nhà thờ Chính tòa Bùi Chu, Vương cung thánh đường Phú Nhai, Đền thánh Kiên Lao cần lưu giữ lại “Xương thánh” của các vị anh hùng Tử đạo quê hương, ngoài ra còn có các tranh ảnh Thánh, các đồ Phụng tự từ thế kỷ XIX, (thác bản văn bia nhà thờ Bùi Chu có niên hiệu Thành Thái thứ 12 năm 1900). Do thời gian bị lãng quên, nên các nhà thờ có thể thu thập lại trưng bày ở nhà truyền thống của giáo xứ, chắc chắn một điều sẽ có sự hấp dẫn đối với du khách hành hương và tham quan.

Đối với các nhà chức trách có liên quan cần rà soát, đánh giá toàn diện, sửa đổi quy định liên quan đến việc công nhận di tích là công trình tôn giáo. Có như vậy chính quyền với Giáo hội Công giáo mới đưa ra những kế hoạch bảo tồn một cách có hệ thống, chủ động. Thay vì phải giải quyết từng việc riêng lẻ.

3.2.5. Dịch vụ du lịch

Các cơ sở chính cần có các khách sạn, nhà nghỉ bình dân, nhà hàng, khu vui chơi giải trí, chỗ mua sắm đồ ... Những công trình trên không nên xây dựng quá lớn, phù hợp với quang cảnh chung, không quá xô bồ. Đối với riêng các khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng cần có những thiết kế thống nhất với nhau. Các cơ sở này nên có không gian thoáng, tiện nghi, hiện đại. Bên cạnh đó thái độ phục vụ và chất lượng, an toàn thực phẩm là điều đặc biệt quan trọng trong kinh doanh du lịch.

3.2.6. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý - tổ chức

Công tác quản lý và tổ chức đóng vai trò hết sức quan trọng trong hoạt động du lịch, nó đảm bảo cho du lịch đi đúng hướng. Vì vậy công tác quản lý và tổ chức cần được đặt vị trí ưu tiên. Đặc biệt đối với các nhà thờ Công giáo trong huyện Xuân Trường. Để nâng cao hiệu quả một cách chặt chẽ, cần có những biện pháp hợp lý.

Về cách thức quản lý - tổ chức, cần có sự phối hợp của Sở Thể thao - Văn hóa và Du lịch Nam Định với Tòa giám mục Bùi Chu. Tòa giám mục là những

người trực tiếp quản lý các nhà thờ trong Giáo phận cách riêng nhà thờ Chính tòa Bùi Chu, Vương cung thánh đường Phú Nhai, Đền thánh Kiên Lao. Bởi thế chỉ có sự phối hợp của đôi bên mới đem lại lợi ích hiệu quả cao.

Các nhà thờ là một điểm du lịch đặc thù của Công giáo nên Sở Thể thao - Văn hóa và Du lịch không thể tham gia bằng các biện pháp thông thường như bán vé tham quan, trông coi ... như các địa điểm du lịch khác (Vì các nhà thờ không thu bất kỳ một khoản chi phí nào đối với khách). Mà chỉ kiểm tra, và thu phí dịch vụ đối với các cơ sở dịch vụ tại đây.

Hiện nay công tác quản lý - tổ chức ở các nhà thờ trong huyện mới mang tính tự phát nhỏ lẻ, hoạt động du lịch chưa đi vào nề nếp, chưa có một ban ngành chung nào. Chẳng hạn ban ngành này có sự tham gia của Sở Thể thao - Văn hóa và Du lịch, Tòa giám mục Bùi Chu, UBND huyện Xuân Trường. Nhưng vai trò quản lý chủ chốt vẫn là Tòa giám mục. Văn phòng của ban ngành này nên đặt ngay tại Tòa giám mục. Để quản lý, tiếp thị, tuyên truyền các chương trình du lịch chung của huyện nói riêng và của tỉnh Nam Định nói chung. Ban này có thêm nhiệm vụ giải đáp thắc mắc, các vấn đề phát sinh của khách và các cơ sở kinh doanh du lịch. Ngoài ra còn đảm bảo tình hình trật tự an ninh tại các nhà thờ.

3.2.7. Đào tạo và củng cố nguồn nhân lực

Để đảm bảo cho tính văn hóa và tính chuyên nghiệp của các nhà thờ trong huyện, thì nguồn nhân lực cần được đào tạo và củng cố.

Trước hết là đội ngũ hướng dẫn viên tại điểm là các Thầy, các Sơ là các hướng dẫn viên đặc trưng của điểm du lịch này. Các hướng dẫn viên này cần phải được học nghiệp vụ hướng dẫn và ngoại ngữ một cách bài bản trong một thời gian ngắn. Đội ngũ này cần được sự ưu tiên của Tòa giám mục và nhà dòng trong công việc Phụng vụ, để họ có thể chuyên tâm vào công việc hướng dẫn. Như nhà thờ Chính tòa Bùi Chu cần ít nhất là 3 hướng dẫn viên tại điểm hằng ngày và mùa hè là mùa cao điểm phải cần đến 5-7 hướng dẫn viên. Để đáp ứng nhu cầu các đoàn khách ngày càng đông lên.

Bên cạnh đó là nguồn nhân lực các nhà hàng, khách sạn và các dịch vụ bổ sung khác ở trong huyện đang bị thiếu. Do đó cần có biện pháp thu hút nguồn nhân lực bằng việc tạo điều kiện việc làm, chỗ ăn, ở chế độ lương. Phải đào tạo đội ngũ nhân viên bài bản, ưu tiên các con em địa phương, đó là nguồn lao động ổn định tại chỗ. Cần xây dựng các trung tâm đào tạo nghiệp vụ trong khoảng 4-6 tháng. Đó là một giải pháp tạo nên nguồn nhân lực dồi dào.

Đối với người dân địa phương cũng là một nguồn nhân lực cần được nâng cao bởi họ có vai trò quan trọng đối với sự phát triển du lịch ở khu nhà thờ. Vì người dân địa phương gần các nhà thờ nên tỷ lệ theo đạo cao nên các cha chánh xứ có thể tuyên truyền sâu rộng về kỹ năng giao tiếp, quan hệ ứng xử văn hóa với khách du lịch tham quan cũng như khách hành hương qua những bữa chia sẻ, tạo nên một nếp sống thân thiện, dễ gần, mến khách, tận tình giúp đỡ khách, bảo vệ, gìn giữ cảnh quan của nhà thờ.

Đối với một số giải pháp trên tại các nhà thờ trong Giáo phận cách riêng trong huyện Xuân Trường sẽ có một nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyên nghiệp.

3.2.8. Hoạt động quảng bá, tiếp thị du lịch

Để mọi người trong nước và nước ngoài biết đến các các nhà thờ Công giáo trong huyện thì hoạt động quảng bá tiếp thị cần được đẩy mạnh. Muốn quảng bá tiếp thị thì cần có một chiến lược quảng bá đồng bộ chuyên nghiệp. Bên cạnh đó các nhà thờ trong huyện Xuân Trường là một trong những cái nôi nhận Tin Mừng đầu tiên của miền Bắc, bởi vậy đây là một thị trường rộng lớn và tiềm năng, cộng thêm giáo dân ở đây có niềm tin tôn giáo mạnh mẽ. Với các giá trị văn hóa, nghệ thuật, kiến trúc độc đáo nổi bật, nhà thờ Chính tòa Bùi Chu, Vương cung thánh đường Phú Nhai, Đền thánh Kiên Lao còn là điểm hấp dẫn giới văn nghệ sĩ, giới nghiên cứu văn hóa, hội họa, nhiếp ảnh. Đây cũng là nguồn khách tiềm năng. Với thời đại công nghệ thông tin phát triển thì việc quảng bá trên Internet là phương pháp hữu hiệu nhất qua Website chính thức Tòa giám mục (gpbuichu.org) hoặc các trang mạng của các giáo xứ, ngoài ra

còn có facebook, YouTube, qua đài truyền hình, báo, tạp chí, các trang mạng Công giáo (tiếng Việt và tiếng Anh). Hoặc phát tờ rơi, tập gấp, sách mỏng ... giới thiệu về Giáo phận Bùi Chu qua các đại hội lớn của giáo phận như đại hội thiếu thi thánh thể Việt Nam, Đại hội thường niên của hội đồng Giám mục Việt Nam, đại hội giới trẻ giáo tỉnh Hà Nội (dự kiến vào ngày 20-21/11/2019, tại Vương Cung thánh đường Phú Nhai)

3.2.9. Xây dựng các chương trình du lịch hấp dẫn

Việc đưa ra các chương trình du lịch hấp dẫn có chất lượng là rất quan trọng. Đó là các Tour theo đúng nhu cầu của khách, mới mẻ và giá cả hợp lý. Các chương trình du lịch trọn gói sẽ xây dựng hướng sau:

Tour du lịch nội tỉnh:

Đền Trần - Phủ Dầy -Cổ Lễ - chùa Keo Hành Thiện- nhà thờ Phú Nhai- nhà thờ Bùi Chu.

Thời gian tham quan 1-2 ngày

Địa điểm lưu trú: TP Nam Định

Đền Trần - chùa Tháp - cột cờ Thành Nam - chùa Cổ Lễ - chùa Keo Hành Thiện --nhà lưu niệm cố Tổng bí thư Trường Chinh , nhà thờ Bùi Chu - nhà thờ Phú Nhai - bãi biển Quất Lâm --vườn Quốc gia Xuân Thủy

Tour du lịch liên tỉnh:

Chùa Hương- Phủ Dầy - đền Trần - nhà thờ Phú Nhai - nhà thờ Bùi Chu - chùa Keo(Thái Bình) - đền Tranh - Côn Sơn -Kiếp Bạc (Hải Dương)

Tour các nhà thờ công giáo xuyên Việt: Nhà thờ lớn Hà Nội - nhà thờ Trà Cổ - Nhà thờ đá Phát Diệm --Vương cung thánh đường Phú Nhai - nhà thờ Chính tòa Bùi Chu - trung tâm hành hương La Vang - nhà thờ Chính tòa Nha Trang -- nhà thờ Chính tòa Đà Lạt - nhà thờ Đức Bà Sài Gòn. (Thời gian có thể kéo dài ngày hoặc ngắn ngày tùy chương trình cụ thể)

Tiểu kết chương 3

Đẩy mạnh việc khai thác một số nhà thờ Công giáo huyện Xuân Trường vào việc phát triển du lịch, cần áp dụng đồng bộ các giải pháp xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, nâng cao việc tổ chức - quản lý, đào tạo nguồn nhân lực, đẩy mạnh việc quảng bá, tiếp thị du lịch, xây dựng các chương trình du lịch, các chương trình du lịch theo hướng bền vững ... Mặt khác trong quá trình phát triển du lịch cần phải có những giải pháp để gìn giữ bảo tồn các nhà thờ trong huyện. Nếu phát triển du lịch gắn liền với việc bảo tồn tốt thì giá trị, tính hấp dẫn của các nhà thờ sẽ tăng.

Đó là những biện pháp hợp lý dựa trên hoạt động du lịch ở đây. Hy Vọng các giải pháp này sẽ áp dụng ở mức độ nào đó, đóng góp phần vào sự phát triển du lịch. Các nhà thờ Công giáo trong huyện sẽ trở thành một điểm du lịch tâm linh hấp dẫn cho du khách thập phương.

KẾT LUẬN

Nam Định là tỉnh có vị trí quan trọng, là trung tâm vùng Nam đồng bằng sông Hồng và nằm trong tuyến du lịch xuyên vùng Hà Nội - Nam Định - Hải Phòng - Quảng Ninh và sự liên kết với các vùng lân cận thuận lợi hơn nhờ hệ thống đường giao thông đường bộ và đường sắt tương đối phát triển. Trên góc độ khai thác tài nguyên du lịch văn hóa tâm linh để hình thành các sản phẩm du lịch phục vụ cho khách trong và ngoài nước. Tỉnh Nam Định nói chung và huyện Xuân Trường nói riêng có những ưu thế nhất định. Trong số các di tích văn hóa - lịch sử của Nam Định thì hệ thống các nhà thờ Công giáo nói chung và các nhà thờ Công giáo huyện Xuân Trường nói riêng mang nhiều giá trị văn hóa, tính đặc trưng của Nam Định.

Nhà thờ Chính tòa Bùi Chu, Vương cung thánh đường Phú Nhai, Đền thánh Kiên Lao là những thánh đường mang nhiều giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể vô cùng độc đáo và đặc sắc. Những giá trị đó là tinh hoa của văn hóa Việt Nam truyền thống, đồng thời lại chứa đựng sự hội nhập văn hóa Đông - Tây một cách hài hòa và đặc sắc. Những giá trị chính là tiềm năng du lịch lớn cho các thánh đường ở huyện Xuân Trường. Trong tương lai các thánh đường này trở thành một trong những điểm du lịch trọng điểm của Nam Định.

Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là khai thác và phát huy giá trị nguồn tài nguyên đó làm sao để cho việc hoạt động du lịch tâm linh phát triển. Để làm được những điều đó phải tiếp tục đầu tư nâng cấp chất lượng các sản phẩm du lịch thông qua việc trùng tu, cải tạo, nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng, tăng cường công tác quản lý tổ chức các lễ hội. Ngoài ra còn phải nâng cao trình độ nghiệp vụ của đội ngũ hướng dẫn viên tại điểm, một cách bài bản chuyên nghiệp. Để cho du khách hiểu rõ những giá trị lịch sử văn hóa, kiến trúc của các thánh đường mà khách đến tham quan. Ngành du lịch cũng cần hướng tới mục đích phát triển du lịch văn hóa tâm linh với các tỉnh lân cận như Thái Bình, Ninh Bình, Hà Nam, Hải Dương, Hải Phòng, Quảng Ninh và thủ đô Hà Nội, nhằm xây dựng các chương trình phát triển các khu, tuyến du lịch. Khai thác, phát huy

*Tiềm năng phát triển du lịch văn hóa tâm linh tại một số nhà thờ Công giáo huyện
Xuân Trường, Nam Định*

các tiềm năng tài nguyên du lịch văn hóa tâm linh một số nhà thờ Công giáo huyện Xuân Trường cũng là góp phần vào việc bảo tồn các giá trị văn hóa đặc sắc của quê hương Nam Định, chính điều đó tạo sự phát triển cho hoạt động du lịch văn hóa tâm linh mạnh và bền vững.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Trần Thúy Anh (2004), Ứng xử văn hóa trong du lịch, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

Nguyễn Đăng Duy (2001), Văn hóa tâm linh, NXB Văn hóa – Thông tin
Ủy ban nhân dân huyện Xuân Trường

Nguyễn Duy Hình (2007), Tâm linh Việt Nam, Nxb Từ điển Bách Khoa.

Nguyễn Văn Mạnh, Nguyễn Đình Hòa (2008), Marketing du lịch, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân.

Hồ Chí Minh (2000), Toàn tập, tập 3, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Lê Minh (1994), Văn hóa gia đình Việt Nam và sự phát triển, Nxb Lao Động

Trần Đức Thanh (2005), Nhập môn khoa học du lịch, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội

Trần Ngọc Thêm (1998), Cơ sở văn hóa Việt Nam, Nxb Giáo dục.

Trần Ngọc Thêm (2000), Khái luận về văn hóa, in trong sách Phác thảo chân dung văn hóa Việt Nam, Nxb Chính trị Quốc gia.

Đặng Nghiêm Vạn (1992), Việt Nam đất nước lịch sử văn hóa, Nxb Sự Thật, Hà Nội.

Luật Di sản

Luật Du lịch (2005), nhà xuất bản chính trị quốc gia

Văn phòng Tòa giám mục Bùi Chu

Kỷ yếu Giáo phận Bùi Chu

Website: www.google.com.vn

*Tiềm năng phát triển du lịch văn hóa tâm linh tại một số nhà thờ Công giáo huyện
Xuân Trường, Nam Định*

PHỤ LỤC

MỘT SỐ HÌNH ẢNH NHÀ THỜ CHÍNH TÒA BÙI CHU



Sinh viên: Hoàng Văn Tường
Lớp: VH1801

Tiềm năng phát triển du lịch văn hóa tâm linh tại một số nhà thờ Công giáo huyện Xuân Trường, Nam Định



Tiềm năng phát triển du lịch văn hóa tâm linh tại một số nhà thờ Công giáo huyện Xuân Trường, Nam Định

MỘT SỐ HÌNH ẢNH NHÀ THỜ PHÚ NHAI



Sinh viên: Hoàng Văn Tường
Lớp: VH1801

Tiềm năng phát triển du lịch văn hóa tâm linh tại một số nhà thờ Công giáo huyện Xuân Trường, Nam Định



*Tiềm năng phát triển du lịch văn hóa tâm linh tại một số nhà thờ Công giáo huyện
Xuân Trường, Nam Định*

MỘT SỐ HÌNH ẢNH NHÀ THỜ KIÊN LAO



*Sinh viên: Hoàng Văn Tường
Lớp: VH1801*

Tiềm năng phát triển du lịch văn hóa tâm linh tại một số nhà thờ Công giáo huyện Xuân Trường, Nam Định



Sinh viên: Hoàng Văn Tường
Lớp: VH1801